

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường Cao đẳng)

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012

MỤC LỤC

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG	3
I. Thông tin chung của trường	3
II. Giới thiệu khái quát về trường	3
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường	7
IV. Người học	9
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	13
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	16
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	17
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	19
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	19
II. TỔNG QUAN CHUNG	19
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh	20
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	21
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	22
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	22
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	24
Tiêu chuẩn 6: Người học	24
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	25
Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	26
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính	27
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội	29
III. TỰ ĐÁNH GIÁ	30
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh	30
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	33
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	42

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	49
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	61
Tiêu chuẩn 6: Người học	70
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	78
Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	84
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính	91
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội	96
IV.KẾT LUẬN TOÀN VĂN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ	99
PHỤ LỤC: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	100

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 31/12/2012

I. Thông tin chung của trường

1. Tên trường (theo Quyết định thành lập số 6939/QĐ-BGDĐT ngày 15-10-2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

Tiếng Anh: Ho Chi Minh City College of Transport

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây:

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ trường:

Cơ sở 1: 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3

Cơ sở 2: 8 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12

Cơ sở 3: 256 Dương Đình Hội, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (848) 38.439.775

Số fax: (848) 39.316.227

E-mail:

Website: hcmct.edu.vn

7. Năm thành lập trường: 1977

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

Hệ Trung cấp: Năm 1998

Hệ Cao đẳng: Năm 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

Hệ Trung cấp: Năm 2000

Hệ Cao đẳng: Năm 2012

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập

Bán công

Dân lập

Tư thực

II. Giới thiệu khái quát về trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh, tiền thân là trường Công nhân lái xe được thành lập năm 1977 trên cơ sở trường dạy lái xe trước 30-4-1975.

Năm 1981 theo Quyết định số 279/QĐ-TC ngày 18-3-1981 của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh sát nhập trường Công nhân kỹ thuật và trường Công nhân lái xe thành trường Công nhân kỹ thuật.

Năm 1983 theo Quyết định số 14/QĐ-TC ngày 09-4-1983 của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh sát nhập trường Công nhân kỹ thuật và trường Nghiệp vụ thành trường Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ.

Năm 1985 tách trường Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ thành hai trường trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh: Trường Công nhân kỹ thuật đường thủy theo Quyết định số 126/QĐ-UB ngày 10-6-1985 và trường Công nhân kỹ thuật đường bộ theo Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 10-6-1985 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1991 trường Công nhân kỹ thuật đường thủy được đổi tên trường theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 21-02-1991 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thành trường Kỹ thuật đường thủy.

Năm 1995 theo Quyết định số 1268/QĐ-UB-NCVX ngày 27-02-1995 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hợp nhất trường Kỹ thuật đường thủy và trường Công nhân kỹ thuật đường bộ thành trường Kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông công chánh.

Năm 1998 theo Quyết định số 4946/QĐ-UB-QLĐT ngày 23-9-1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thành lập trường Trung học Giao thông công chánh trên cơ sở nâng cấp trường Kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông công chánh.

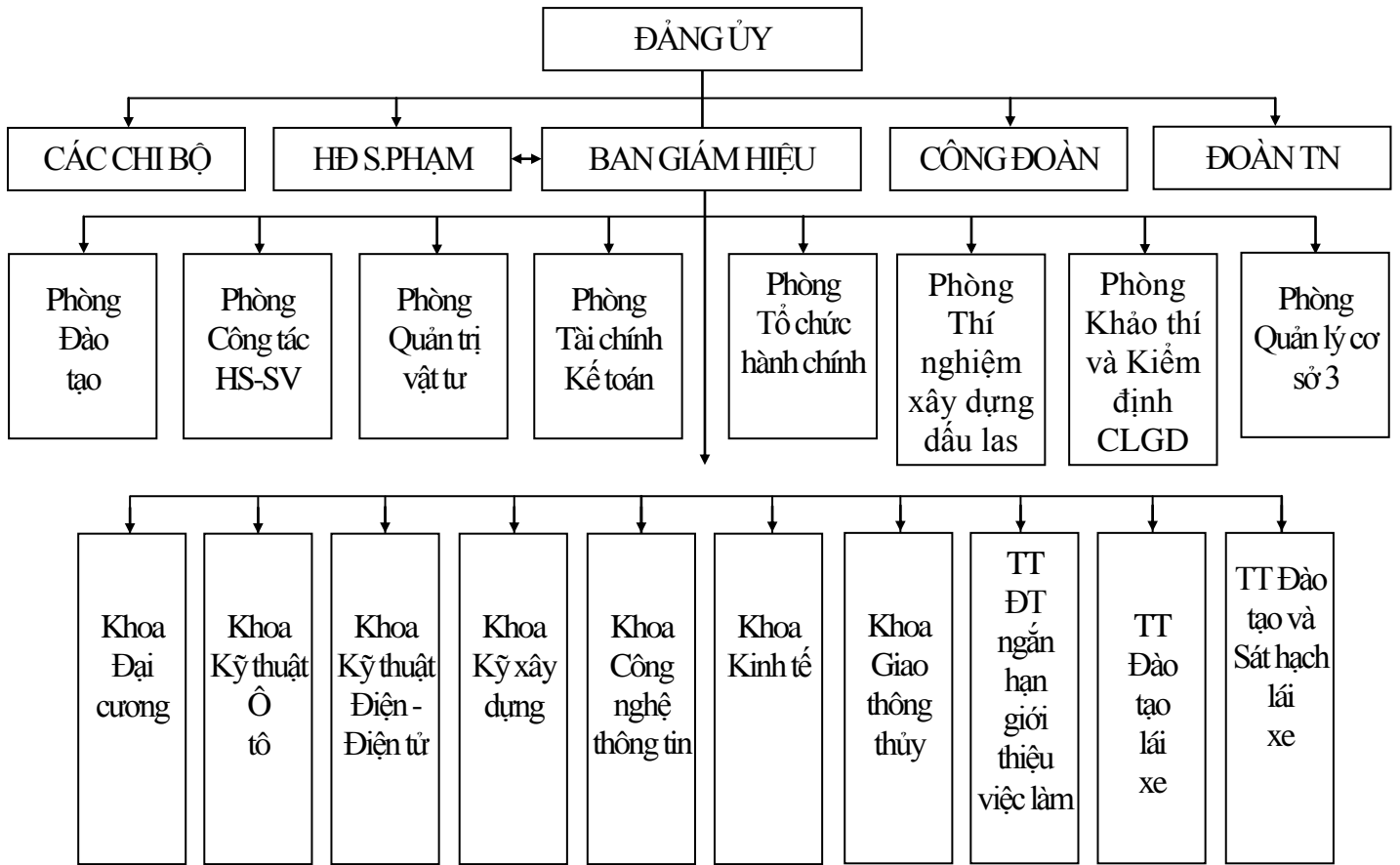
Năm 2005 trường Trung học Giao thông công chánh được đổi tên trường theo Quyết định số 3353/QĐ-UB ngày 17-5-2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thành trường Trung học Giao thông công chính.

Năm 2008 theo Quyết định số 6939/QĐ-BGDĐT ngày 15-10-2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở trường Trung học Giao thông công chính.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo công lập, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, và được Ủy ban ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh quản lý trực tiếp. Trường đảm nhận chức năng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội cho thành phố Hồ Chí Minh, nhất là trong lĩnh vực giao thông vận tải. Tính đến năm 2012 trường có tất cả 7 khoa, với 9 ngành học hệ cao đẳng. Trường đã đạt được một số thành tích nổi bật, được Chủ tịch nước khen tặng:

- Huân chương lao động hạng 3 - Năm 1992
- Huân chương lao động hạng 2 - Năm 2007
- Huân chương lao động hạng 1 - Năm 2012

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường:



Trong năm 2013, trường dự kiến thành lập Phòng Khoa học - Công nghệ và Quan hệ Quốc tế, Trung tâm ngoại ngữ và Trung tâm tin học.

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Hiệu trưởng	Hoàng Hoài Nam	Thạc sỹ	hhnam@hcmct.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Huỳnh Văn Tuấn	Thạc sỹ	hvtuan@hcmct.edu.vn
	Phạm Văn Tám	Thạc sỹ	pvtam@hcmct.edu.vn
	Nguyễn Trọng Điệp	Thạc sỹ	ntdiep@hcmct.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn	Hoàng Hoài Nam	Bí thư Đảng bộ	hhnam@hcmct.edu.vn
	Nguyễn Thanh Sơn	Bí thư Đoàn TN	ntson@hcmct.edu.vn
	Tô Diệp Khanh	Chủ tịch CĐ	tdkhanh@hcmct.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng - Phòng Tổ chức - Hành chính - Phòng Đào tạo - Phòng Tài chính - Kế toán - Phòng Quản trị - vật tư	Phạm Thị Hải Bình	Cử nhân	pthbinh@hcmct.edu.vn
	Đoàn Văn Hai	Kỹ sư	dvhai@hcmct.edu.vn
	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Thạc sỹ	ntngan@hcmct.edu.vn
	Đỗ Viết Khanh	Thạc sỹ	dvkhanh@hcmct.edu.vn

- Không chính quy
- Từ xa
- Liên kết đào tạo với nước ngoài
- Liên kết đào tạo trong nước

16. Tổng số các khoa đào tạo: 7 khoa

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
1	Cán bộ trong biên chế	62	22	84
2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	109	39	148
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	11		11
	Tổng số	182	61	243

18. Thống kê, phân loại giảng viên (*chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 4 năm gần đây*):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sỹ khoa học	1		1			
4	Tiến sỹ	2		1		1	
5	Thạc sỹ	71	19	34	9	9	
6	Đại học	97	38	33	15	11	
7	Cao đẳng	5	1	4			
8	Trình độ khác	13	8	4		1	

Tổng số	189	66	77	24	22	
----------------	------------	-----------	-----------	-----------	-----------	--

- Tổng số giảng viên cơ hữu: **189**

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **189/243 (77,78%)**

19. Quy đổi số lượng giảng viên của trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sỹ	3,0							
2	Phó Giáo sư	2,5							
3	Tiến sỹ khoa học	3,0	1		1				3,00
4	Tiến sỹ	2,0	2		1		1		2,40
5	Thạc sỹ	1,3	71	19	34	9	9		74,75
6	Đại học	1,0	97	38	33	15	11		77,70
7	Cao đẳng	0,5	5	1	4				2,50
8	Trình độ khác	0,2	13	8	4		1		2,44
	Tổng số		189	66	74	24	22		162,79

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

Số TT	Trình độ / học vị,	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60

1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học	1	0,53	1				1	
4	Tiến sĩ	2	1,06	2		1	1		
5	Thạc sĩ	71	37,56	57	14	22	38	9	2
6	Đại học	97	51,32	77	20	48	22	15	12
7	Cao đẳng	5	2,65	5			4		1
8	Trình độ khác	13	6,88	13		6			7
	Tổng số	189	100	155	34	76	65	25	23

20.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	36,3	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	21,2	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	13,8	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	26,6	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1,7	
6	Tổng	100	100

20.2 Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37

20.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của trường: **3/189 (1,59%)**

20.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của trường: **71/189 (37,57%)**

IV. Người học

(Người học bao gồm sinh viên cao đẳng và học sinh trung cấp chuyên nghiệp)

21. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên/học sinh trúng tuyển và nhập học trong 4 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)						Điểm trung bình của sinh viên/học sinh được tuyển	Số sinh viên/học sinh quốc tế nhập học (người)
					Cầu đường	Ô tô	Kế toán	QT KD	Điện	Tin học		
2009-2010	1693	787		440	14,5	15	10				15,0	
2010-2011	2821	1208		632	15,5	14,5	12,5	13	11	10	14,5	
2011-2012	4541	1479		716	16,5	15	14	14	12,5	10	15,5	
2012-2013	4549	2307		1161	14,5	12,5	10	11	10	10	13,8	

Số lượng sinh viên/học sinh hệ chính quy đang học tập tại trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): 3949,5

22. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên/học sinh nhập học trong 4 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy Đơn vị: người

Các tiêu chí	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Sinh viên cao đẳng Trong đó:				
- Hệ chính quy	440	632	716	1161
- Hệ liên thông	102	235	266	215
2. Học sinh TCCN Trong đó:				
Hệ chính quy	798	812	750	663
Hệ không chính quy			36	

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (chưa quy đổi): 6826

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09 tháng 2 năm 2007): **3949,5**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trên giảng viên (sau khi quy đổi): **24,26**

23. Số sinh viên/học sinh quốc tế nhập học trong 4 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học			
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Số lượng				
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/học sinh quy đổi				

24. Sinh viên/học sinh có chỗ ở trong ký túc xá / tổng số sinh viên/học sinh có nhu cầu:

Các tiêu chí	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	315	420	420	525
2. Sinh viên/học sinh có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá), người	100	110	120	120
3. Số lượng sinh viên/học sinh được ở trong ký túc xá, người	80	100	120	120
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên/học sinh ở trong ký túc xá, m ² /người	3,94	4,2	3,5	4,38

25. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

Số lượng	Năm học			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/học sinh quy đổi				

26. Thống kê số lượng người tốt nghiệp (trong 4 năm gần đây):

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:				
- Hệ chính quy				289
- Hệ liên thông			80	209
2. Học sinh tốt nghiệp TCCN Trong đó:				
- Hệ chính quy	556	498	464	483
- Hệ không chính quy		58	56	

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)				498
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)				73,8
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường:				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				

3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)				
- Sau 6 tháng tốt nghiệp				
- Sau 12 tháng tốt nghiệp				
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)				
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm				
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)				
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)				
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)				

28. Tình trạng tốt nghiệp của học sinh TCCN hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Số lượng học sinh tốt nghiệp (người)	556	498	464	483
2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	69,7	61,3	61,9	60,2
3. Đánh giá của học sinh tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường:				
3.1 Tỷ lệ học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				
3.2 Tỷ lệ học sinh trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				
3.3 Tỷ lệ học sinh trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				

4. Học sinh có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:				
4.1 Tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành đào tạo (%)				
- Sau 6 tháng tốt nghiệp				
- Sau 12 tháng tốt nghiệp				
4.2 Tỷ lệ học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%)				
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của học sinh có việc làm				
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:				
5.1 Tỷ lệ học sinh đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)				
5.2 Tỷ lệ học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)				
5.3 Tỷ lệ học sinh phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)				

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của trường được nghiệm thu trong 4 năm gần đây: **39**

STT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng				
			2009	2010	2011	2012	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0					
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0					
3	Đề tài cấp trường	0,5		7	8	24	19,5
	Tổng			7	8	24	19,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **19,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **8,02**

30. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của trường trong 4 năm gần đây:

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây: **82**

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			39	
Tổng số cán bộ tham gia			82	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

32. Số lượng sách của trường được xuất bản trong 4 năm gần đây: **16**

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng				Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	
1	Sách chuyên khảo	2,0					
2	Sách giáo trình	1,5			3	13	24
3	Sách tham khảo	1,0					
4	Sách hướng dẫn	0,5					
5	Tổng						24

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **24**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **9,88**

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của trường tham gia viết sách trong 4 năm gần đây: **54**

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách		16		
Tổng số cán bộ tham gia		54		

34. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của trường được đăng tạp chí trong 4 năm gần đây: **5**

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng				
			2009	2010	2011	2012	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5					
2	Tạp chí KH cấp ngành trong nước	1,0	1	1	2	1	5
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5					
4	Tổng						5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: **2,65**

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 4 năm gần đây: **3**

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		5	
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia		3	

36. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 4 năm gần đây: **5**

STT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng				
			2009	2010	2011	2012	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0					
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	1	2		2
3	Hội thảo cấp trường	0,25				1	0,25
4	Tổng						2,25

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **2,25**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,93**

37. Số lượng cán bộ cơ hữu của trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 4 năm gần đây: **5**

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo		4	1
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia		3	2

38. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp:

39. Nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh:

39.1. Số lượng sinh viên/học sinh của trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây:

39.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh:

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

40. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 91.745,6

41. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.868,7 Nơi học: 3.509 Nơi vui chơi giải trí: 2.988

42. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 3.509

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,86

43. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường 8.000 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của trường: 5.320 cuốn

44. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 32

- Dùng cho sinh viên/học sinh học tập: 409

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên/học sinh trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,1

45. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 4 năm gần đây:

- Năm 2009: 54.294.355.630
- Năm 2010: 63.155.441.641
- Năm 2011: 63.693.561.773
- Năm 2012: 68.948.513.017

46. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 4 năm gần đây:

- Năm 2008-2009: 1.942.210.000
- Năm 2009-2010: 3.804.252.000
- Năm 2010-2011: 8.228.583.116
- Năm 2011-2012: 10.932.891.000

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **189**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **77,78**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của trường (%): **1,59**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của trường (%): **37,57**

2. Người học (sinh viên/học sinh):

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (người): 6.826

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (người): **3.949,5**

Tỷ số sinh viên/học sinh trên giảng viên (sau khi quy đổi): 24,26

Tỷ lệ sinh viên/học sinh tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 73,8

3. Đánh giá của Người học tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ sinh viên/học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên/học sinh có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về Người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được

ngay (%):

Tỷ lệ sinh viên/học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8,02

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9,88

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,06

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,93

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên/học sinh trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,1

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,86

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên/học sinh chính quy: 0,13

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 35 năm xây dựng và phát triển (1977-2012), Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã lớn mạnh không ngừng cả về quy mô và chất lượng. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, công nhân viên ngày càng được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị được mở rộng và nâng cấp hiện đại hơn. Trường đã cung cấp một nguồn nhân lực có uy tín cho ngành giao thông vận tải, nhiều sinh viên tốt nghiệp từ trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đang là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn tốt, một số giữ các vị trí quan trọng trong các ban ngành, cơ quan, xí nghiệp của địa phương nơi công tác.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung. Do vậy, trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục cao đẳng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14 tháng 12 năm 2007 theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT.

Trong quá trình tự đánh giá trường đã căn cứ theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Qua công tác tự đánh giá này, những điểm mạnh cũng như điểm yếu của trường đã được xem xét một cách kỹ lưỡng, đánh giá khách quan và tạo nên một sự chuyển biến cả về nhận thức lẫn hành động từ cán bộ quản lý đến đội ngũ giảng viên, công nhân viên trong toàn trường. Đồng thời qua đó giúp hoàn thiện từng bước các mặt hoạt động của trường, từ khâu quản lý công văn cho đến các công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, công tác tài chính.

II. TỔNG QUAN CHUNG

❖ **Mục đích đánh giá:** Cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo đồng thời cung cấp căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

❖ **Phạm vi tự đánh giá:** Đánh giá trong toàn trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2007).

❖ **Hội đồng tự đánh giá:** Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo quyết định số 118/QĐ-TCĐGTVT ngày 05/4/2012 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng gồm có 21 thành viên.

❖ **Phương pháp đánh giá:** Trong quá trình đánh giá, trường dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường cao đẳng. Đối với mỗi tiêu chí trường xem xét theo trình tự:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của tiêu chí.
- Phân tích, so sánh, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại.
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

❖ **Quy trình tự đánh giá:**

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá.
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 4: Thu nhập thông tin và minh chứng.
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập được.
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

❖ **Quy định về mã hóa các minh chứng:** Trong báo cáo tự đánh giá, các minh chứng được mã hóa theo quy định sau: **MCa.b-cd**

- MC: Minh chứng
- a: Số thứ tự tiêu chuẩn, có giá trị từ 1-9 (có 9 tiêu chuẩn)
- b: Số thứ tự của tiêu chí trong tiêu chuẩn, có giá trị từ 1-9 (1 tiêu chuẩn có nhiều nhất 9 tiêu chí)
- cd: Số thứ tự minh chứng, có giá trị từ 1 đến n

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

1. Những điểm mạnh

Ngay từ lúc được nâng cấp lên thành trường cao đẳng, trường đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển để có định hướng tương đối lâu dài và bền vững nên tránh được bị động cũng như những thay đổi trong chính sách vĩ mô của Nhà nước về công tác giáo dục, nhất là giáo dục chuyên nghiệp cũng như giáo dục đại học.

Cán bộ, giảng viên, công nhân viên trường có tinh thần trách nhiệm cao, luôn xem nhiệm vụ giáo dục là cao cả, tích cực học hỏi, có tinh thần cầu tiến và trường luôn có sự

chuẩn bị tốt trước khi tổ chức các công tác quan trọng như tuyển sinh, giảng dạy và học tập, quản lý...

2. Những tồn tại

Việc thực hiện các nội dung của sứ mạng trường cũng như các mục tiêu đào tạo cao đẳng là một công việc còn rất mới mẻ, trường vừa làm vừa rút kinh nghiệm, phải dò dẫm từng bước đi nên quá trình thực hiện còn nhiều trở ngại và tiến độ thực hiện chưa như mong muốn.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013-2014, để đạt được các mục tiêu đào tạo cần tăng cường đổi mới công tác quản lý chất lượng đào tạo bằng nhiều giải pháp cũng như trao đổi kinh nghiệm thêm với các trường bạn để có thể nâng cao chất lượng đào tạo.

Ngoài trang web, trường sẽ tăng cường công tác quảng bá sứ mạng và mục tiêu đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tờ rơi, hoặc thông qua học sinh đã qua đào tạo tại trường.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

1. Những điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, được thể chế hóa bằng các quy chế hoạt động rõ ràng nên phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong trường được quy định cụ thể, rõ ràng trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đủ về số lượng, tương đối đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có tâm huyết, làm việc có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý trong trường. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đã đáp ứng các tiêu chuẩn, có trách nhiệm, có tâm huyết với ngành học, với trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đảng bộ trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường đạt được những thành tích tốt trong các hoạt động phong trào và được cấp trên đánh giá cao.

2. Những tồn tại

Cơ cấu tổ chức của trường chưa được đầy đủ: Trường chưa thành lập Hội đồng trường, phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế, phòng Thanh tra theo Điều lệ trường cao đẳng.

3. Kế hoạch hành động

Năm 2013-2014: Thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.

Từ năm 2013, trường sẽ bổ sung thêm quy định về nhiệm vụ của bộ môn trong sinh hoạt học thuật vào Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động nhằm phát huy toàn diện vai trò của tổ chức Đảng các cấp và các đoàn thể trong trường.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Ngay từ lúc được nâng cấp lên thành trường cao đẳng vào 15/10/2008, trường đã chủ động lập kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo chi tiết các môn học để chủ động trong công tác thiết kế chương trình, chuẩn bị tài liệu, giáo trình học tập, mua sắm các trang thiết bị cần thiết cho công tác giảng dạy và học cụ cho việc thực tập của học sinh, sinh viên.

Cán bộ, giảng viên, công nhân viên trường có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tích cực học hỏi, có tinh thần cầu tiến và trường luôn có sự chuẩn bị tốt về đội ngũ giảng viên các chuyên ngành, nhất là nhân lực có trình độ cao như tiến sỹ, thạc sỹ. Bên cạnh việc cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trường còn tuyển dụng thêm nhân lực trẻ có trình độ và kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu giảng dạy của trường...

2. Những tồn tại

Việc tiếp cận các chương trình đào tạo quốc tế còn hạn chế do công tác quan hệ quốc tế của trường chưa nhiều.

3. Kế hoạch hành động

Để đạt được các chương trình đào tạo tầm vóc khu vực trường cần tăng cường mở rộng và tạo nhiều mối liên kết với các trường cao đẳng, đại học trong khu vực và thế giới.

Ngoài ra cần tăng cường sự góp ý của các nhà tuyển dụng cũng như học sinh, sinh viên trong trường đối với các chương trình đào tạo theo định kỳ.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

1. Những điểm mạnh

Trường có Quy trình tuyển sinh được xây dựng chi tiết. Từ năm 2009 đến nay công tác tuyển sinh của trường đã không để xảy ra vụ việc gì sai quy chế, đảm bảo được tính công bằng, khách quan, kịp thời;

Hoạt động đào tạo được thực hiện nghiêm túc theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã chú trọng thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Số liệu thống kê về người tốt nghiệp hằng năm được lưu giữ đầy đủ. Bước đầu đã thu thập được một số thông tin về việc làm của học sinh, sinh viên.

Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo được điều chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội.

Công tác quản lý kết quả học tập của người học được cập nhật tại phòng Đào tạo bằng cả hai hệ thống song: Hệ thống quản lý sổ sách và phần mềm quản lý chuyên dụng. Điều này đảm bảo tính chính xác trong quản lý, thuận lợi cho việc báo cáo, giải quyết các vấn đề liên quan đến kết quả người học.

Trường có hệ thống văn bản quản lý kết quả học tập và cấp phát văn bằng chứng chỉ chặt chẽ, công khai để người học biết.

2. Những tồn tại

Chưa có đầy đủ các số liệu thống kê hằng năm về học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Chưa tổ chức tốt việc công khai số liệu thống kê về học sinh, sinh viên tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực nhưng chưa đồng bộ, chưa nhân rộng nên chưa tạo được một phong trào phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên. Chưa có kế hoạch nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tích cực phát huy những sáng kiến kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp dạy và học. . .

Hệ thống mạng nội bộ dành cho người học tra cứu kết quả học tập trực tiếp chưa được triển khai trên diện rộng.

3. Kế hoạch hành động

Năm học 2013-2014 tổ chức công khai số liệu người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo trên website của trường.

Tiếp tục duy trì nghiêm túc các hoạt động đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của học sinh, sinh viên, đồng thời tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (dự kiến kế hoạch từ năm học 2014-2015).

Từ năm 2013 mở rộng quy mô khảo sát đến tất cả các ngành đào tạo. Số liệu khảo sát được đưa lên website của trường.

Từ năm học 2013-2014 sẽ có kế hoạch nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy và học, những sáng kiến kinh nghiệm.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện khá tốt. Quyền lợi của cán bộ, giảng viên được đảm bảo. Các đoàn thể trong trường đã phát huy tốt vai trò của mình, thể hiện quyền dân chủ của mình thông qua sự tham gia đóng góp ý kiến về những chủ trương, chính sách có liên quan đến sự phát triển chung của trường.

Ban Thanh tra nhân dân và Ban kiểm tra quy chế đã có quy chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết các vụ việc.

Diễn đàn trên trang web của trường đã tiếp nhận nhiều ý kiến của cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên và đã trả lời kịp thời.

2. Những tồn tại

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ ở một số đơn vị chưa được tổ chức thực hiện đúng theo tiến độ đã đề ra.

Tỷ lệ tiến sỹ của trường còn thấp.

3. Kế hoạch hành động

Năm học 2013-2014, trường có biện pháp giám sát và hỗ trợ các đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ theo đúng tiến độ, có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ từ khâu tuyển dụng đến khâu bồi dưỡng đào tạo.

Từ năm 2013 tiếp tục triển khai, khuyến khích việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và có các biện pháp khen thưởng và chế tài đối với hoạt động này.

Tiêu chuẩn 6: Người học

1. Những điểm mạnh

Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, quy định, thông báo của trường đến từng người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra, đánh giá người học. Thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan khác đến người học. Trường cũng đã cung cấp email cho từng học sinh, sinh viên đang học tại trường để nhận và phản hồi thông tin trong trường.

2. Những tồn tại

Việc sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho người học còn ở mức độ hạn chế, còn có những thông tin chưa được cập nhật kịp thời, chưa phong phú.

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên còn yếu.

Việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng còn nhiều hạn chế.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2013-2014 đẩy mạnh triển khai các kênh thông tin đến người học, hằng năm duy trì việc cung cấp email cho từng học sinh, sinh viên để nhận và phản hồi thông tin trong trường.

Từ năm 2013 thường xuyên cải tiến, bổ sung nội dung thông tin cần thiết vào "Sổ tay học sinh, sinh viên" và website trường.

Tăng cường mở rộng, duy trì kênh khảo sát học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về tất cả các ngành đào tạo của trường trên website trường từ năm học 2013-2014.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

1. Những điểm mạnh

Trường đã xác định tầm quan trọng của hoạt động khoa học công nghệ trong việc thực hiện nhiệm vụ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, có chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

Luôn chủ động triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng những văn bản hướng dẫn, kế hoạch, quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của các cấp quản lý khoa học và công nghệ một cách có hiệu quả cao.

Trong quá trình triển khai và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, trường định kỳ sửa đổi các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ cho phù hợp với thực tiễn và tuân theo các quy chế, chế độ chính sách của Nhà nước và của các Bộ, ngành liên quan.

Trường luôn có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cán bộ, giảng viên của trường tham gia khá tích cực và bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Trường thường xuyên kiểm tra đánh giá việc triển khai kế hoạch và có báo cáo đánh giá hàng năm theo đúng quy trình, đầy đủ và chi tiết.

2. Những tồn tại

Việc triển khai nghiên cứu chưa sâu rộng đến học sinh, sinh viên.

Số lượng đề tài nghiên cứu chưa nhiều, chỉ tập trung ở một số bộ phận.

Thiếu các chuyên gia đầu ngành trong nghiên cứu khoa học; chưa có cơ chế khuyến khích nghiên cứu khoa học và chưa có quy hoạch lâu dài về đội ngũ cán bộ.

Có quá ít các hoạt động về quan hệ quốc tế, từ đó chưa có đóng góp nhiều vào việc phát triển nguồn lực của trường.

Liên kết khoa học công nghệ với các đối tác nước ngoài chưa có.

3. Kế hoạch hành động.

Từ năm học 2013-2014 xây dựng quy chế nghiên cứu khoa học cho học sinh, sinh viên.

Thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế trong năm học 2013-2014.

Từ năm 2013 trường có kế hoạch khuyến khích tăng số lượng đề tài nghiên cứu cấp cơ sở để có nhiều giảng viên tham gia, từng bước chú trọng các đề tài nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các phương pháp cải tiến giảng dạy, đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Trường xây dựng quy định nhằm tăng cường vai trò, chức năng, quyền hạn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo để làm tốt công tác tư vấn đăng ký đề tài, xác định mục tiêu, chiến lược, định hướng v.v... cho các hoạt động khoa học và công nghệ của trường.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên thiết thực hơn; khuyến khích giảng viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn phải quan tâm đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Tiếp tục tổ chức nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các cấp trong trường, từng bước tìm kiếm đối tác, xây dựng kế hoạch để triển khai các hoạt động về quan hệ quốc tế.

Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

1. Những điểm mạnh

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Các công đoạn trong quản lý thư viện, phục vụ học sinh, sinh viên đã được tin học hóa, đáp ứng nhu cầu đọc ngày càng cao.

Trường có chủ trương, kế hoạch phát triển và dành một nguồn kinh phí cho hoạt động thông tin tư liệu. Thư viện trường đáp ứng được nhu cầu công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, học sinh, sinh viên của trường.

Trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất. Trường có phòng học, phòng thực hành, cơ sở thực hành và phòng chuyên ngành, có các thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy đa dạng, đáp ứng đủ cho yêu cầu giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường có phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên. Hệ thống máy chủ đảm bảo cho hoạt động của trường, có ký túc xá để phục vụ cho học sinh, sinh viên, có

các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người học.

Lực lượng tự vệ trường hoạt động mạnh, được khen thưởng liên tục trong nhiều năm. Sự phối hợp giữa trường và địa phương trong việc bảo vệ an ninh, an toàn trật tự xã hội được thực hiện theo đúng quy định, thường xuyên và đạt hiệu quả.

2. Những tồn tại

Do trường có 3 cơ sở giảng dạy, thư viện trường tập trung tại cơ sở 1, trong khi đó tại cơ sở 2 và 3 có thành lập phòng đọc sách, báo cho học sinh, sinh viên, tuy nhiên số lượng đầu sách tại các phòng đọc này còn hạn chế.

Phần mềm tin học của thư viện hoạt động chưa hiệu quả. Mặt bằng thư viện hẹp nên chưa có phòng đọc đúng tiêu chuẩn. Thiết bị vi tính còn ít và cấu hình thấp nên chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu và tham khảo của người đọc.

Số lượng và diện tích phòng học phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập còn thiếu, thực tế trường vẫn còn sử dụng một vài phòng học đã bị xuống cấp để giảng dạy một số môn học nên ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo của trường.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm 2013-2014, đẩy mạnh việc thực hiện đề án phát triển trường, trong đó việc mở rộng xây dựng thêm các phòng đáp ứng được tốt theo yêu cầu của chương trình học.

Hướng phát triển trong Quy hoạch tổng thể trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh, từ năm học 2013-2014 là xây dựng khu học xá tại cơ sở 2.

Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính

1. Những điểm mạnh

Hàng năm cứ đến kỳ Hội nghị cán bộ, công chức, đơn vị nghiêm túc xây dựng, bổ sung, sửa đổi "Quy chế Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ". Quy chế này đã động viên được toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh toàn trường thực hiện tốt và phấn khởi, yên tâm công tác và học tập và rất tâm huyết với trường, xây dựng trường ngày càng phát triển hơn.

Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, hệ thống sổ sách luôn bảo đảm có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm, thanh toán công tác phí được đơn vị thực hiện chế độ khoán theo quy chế chi tiêu nội bộ, khoản thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại di động hằng tháng theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2003/TT-BTC ngày 14/4/2003 của Bộ Tài chính.

Mỗi năm học, trường sử dụng kinh phí hợp lý, hiệu quả và huy động được các nguồn kinh phí cho các hoạt động giáo dục: Có dự toán kinh phí rõ ràng và được cấp

trên phê duyệt, sử dụng kinh phí ngân sách theo dự toán kinh phí được duyệt theo quy định hiện hành; có kế hoạch và huy động được các nguồn kinh phí có nguồn gốc hợp pháp để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục.

Quản lý tài chính của trường theo chế độ quy định hiện hành: Có đầy đủ hệ thống văn bản quy định hiện hành về quản lý tài chính, trong đó có quy chế chi tiêu nội bộ được Ban Giám hiệu trường thông qua; lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ.

2. Những tồn tại

Đôi lúc bộ phận tài chính chưa cập nhật chứng từ kịp thời. Một số điều trong Quy chế chi tiêu nội bộ chưa được cụ thể, chưa sát với tình hình thực tế của đơn vị

Về đấu thầu mua sắm chi tiêu công thực hiện theo thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 quy định về việc đấu thầu mua sắm tài sản, từ khi có Luật Đấu thầu, tính cạnh tranh trong cung ứng hàng hóa, dịch vụ công được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả chi tiêu công. Tuy nhiên, sự chông chéo và phức tạp khi ban hành cơ chế, chính sách vẫn còn tồn tại. Nhiều nội dung liên quan đến mua sắm, đấu thầu chi tiêu công được điều chỉnh bởi nhiều văn bản khác nhau, việc áp dụng thiếu thống nhất, gây khó khăn trong việc tuân thủ pháp luật chung của đơn vị.

Những kết quả đã đạt được khi thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP đã khẳng định việc trao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị là một hướng đi đúng. Tuy nhiên, cũng nhận thấy rằng đối tượng thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP còn giới hạn ở đơn vị. Phạm vi trao quyền tự chủ của Nghị định 10/2002/NĐ-CP mới chỉ ở lĩnh vực tài chính, đơn vị chưa được trao quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế. Thực quyền của các đơn vị bị hạn chế, đơn vị gặp khó khăn khi muốn mở rộng quy mô và cần tuyển dụng thêm lao động.

3. Kế hoạch hành động

Duy trì tốt hoạt động tài chính của trường. Theo dõi, quản lý, cân đối dự toán các nguồn kinh phí để sử dụng chi tiêu hợp lý, công khai minh bạch, tiết kiệm cho trường.

Công tác kế toán tổng hợp: Triển khai ứng dụng phần mềm trong công tác kế toán tổng hợp và báo cáo; chuyển hình thức kế toán nhật ký sổ cái sang hình thức nhật ký chung từ năm tài chính 2012.

Tiếp tục thực hiện một cách triệt để quy định của trường về công tác thanh quyết toán kinh phí, thu hồi tạm ứng,... Hoàn thiện, bổ sung cơ sở pháp lý làm căn cứ thu, chi,

thanh toán (các quy định thu tiền, bổ sung hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, lưu ý phần chuyên môn và đào tạo).

Từ năm 2013-2014, trường tiếp tục hoàn tất Quy chế chi tiêu nội bộ làm văn bản hướng dẫn chi tiêu trong suốt năm học. Trường chỉ đạo cho các đơn vị năng động, sáng tạo trong việc mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các lớp ngắn hạn... nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và tăng nguồn thu.

Thực hiện tiết kiệm chi tiêu bằng cơ chế khoán rà soát biên chế, sắp xếp công việc, đảm bảo tính hiệu quả. Kiểm soát, thẩm định chặt chẽ các dự toán, dự án từ đầu năm học, hạn chế phát sinh. Tập trung kinh phí mua sắm cho các hạn mục thật cần thiết phục vụ giảng dạy, học tập và bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, công nhân viên.

Tăng cường hoạt động kiểm tra tài chính trong trường.

Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

1. Những điểm mạnh

Trường có mối quan hệ giao lưu tốt với các cơ sở văn hóa nghệ thuật, có nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ chất lượng thu hút sự tham gia của học sinh, sinh viên. Trường tạo được uy tín, phát huy được vai trò đối với địa phương với nhiều hoạt động hiệu quả. Cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên trường có ý thức tham gia các công tác chung của địa phương.

2. Những tồn tại

Định mức chi tiêu của trường cho các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao còn thấp. Hoạt động của Đoàn, của ký túc xá còn mang tính hình thức, phong trào.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm 2013-2014, Đoàn chủ động tạo thêm kinh phí cho hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao bằng các hoạt động gây quỹ và tranh thủ các nguồn tài trợ bên ngoài. Từ năm 2013, định hướng hoạt động của Đoàn vào những hoạt động xã hội, phong trào thực tiễn có tính thiết thực hơn.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

Mở đầu: Giáo dục và đào tạo là một nhiệm vụ rất đặc biệt. Không như những nghề nghiệp khác, nó không chỉ là một nghề để người ta chỉ lo kiếm kế sinh nhai mà còn phải thực hiện một sứ mạng cao cả hơn: Vun đắp và bồi dưỡng tâm hồn con người, đặc biệt là cho thế hệ mới lớn. Vì vậy, việc xây dựng sứ mạng trường sao cho thanh niên nhận thấy đây là nơi học tập, tu dưỡng và rèn luyện tốt nhất cho mình, một ngôi trường thật sự thân thiện và quan tâm chăm lo cho thế hệ tuổi chuẩn bị bước vào đời là một công việc phải hết sức thận trọng, chu đáo và có tính thuyết phục cao.

Sứ mạng của trường được tuyên bố như sau: *“Xây dựng thành công một trường đào tạo đa ngành, đa cấp, đem lại cho thế hệ trẻ kiến thức khoa học căn bản và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, nâng cao giá trị bản thân để có một tương lai tươi sáng dựa trên những phẩm chất trung thành, trung thực, tự tin, chuyên nghiệp, đoàn kết và quan tâm đến cộng đồng; hỗ trợ mong muốn của chính quyền thành phố trong việc phát triển ngành giao thông vận tải”*.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định, công bố công khai, có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh có sứ mạng được xác định, công bố công khai, rõ ràng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của trường, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành [H1.01.01.01]. Trường có những cơ sở để đưa ra tuyên bố sứ mạng của mình: Là trường công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh [H1.01.01.02], có bề dày 35 năm đào tạo nguồn nhân lực cho ngành giao thông vận tải thành phố trình độ từ sơ cấp, trung cấp đến cao đẳng và có liên kết đào tạo đại học. Để đáp ứng nhu cầu xã hội, trường đào tạo đa ngành và đa cấp với các ngành học: Công nghệ kỹ thuật ô tô, công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, kế toán, quản trị kinh doanh, tin học ứng dụng [H1.01.01.03]. Sứ mạng của trường đã được công bố công khai trên trang web theo địa chỉ www.hcmct.edu.vn [H1.01.01.04].

Sứ mạng của trường phù hợp với nguồn đầu tư kinh phí Nhà nước cho một trường cao đẳng; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương [H1.01.01.06].

2. Những điểm mạnh:

Sứ mạng của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh được xác định với sự đồng thuận của tập thể cán bộ viên chức và sinh viên, được công bố công khai, có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của mình. Sứ mạng chỉ ra được thế mạnh và hướng phát triển của trường trong tương lai.

Cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trường sau khi được phổ biến, tuyên truyền đã hiểu rõ sứ mạng của trường, từ đó có định hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện.

3. Những tồn tại:

Trường chưa định kỳ thực hiện thăm dò lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đã tốt nghiệp để có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh sứ mạng của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014, trường sẽ tăng cường quảng bá sứ mạng của trường trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tờ rơi, hoặc thông qua học sinh đã qua đào tạo tại trường.

Xây dựng kế hoạch để thăm dò ý kiến từ các cơ sở tuyển dụng và người học để bổ sung, điều chỉnh sứ mạng của trường cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Mục tiêu của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của trường.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công tác xây dựng Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 [H1.01.01.07]. Trong đó có nêu lên sứ mạng và mục tiêu đào tạo của trường. Trường đã công bố công khai mục tiêu đào tạo trên trang web của trường theo địa chỉ hcmct.edu.vn. Để xây dựng mục tiêu của trường, trường thực hiện theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1 (biên soạn dự thảo Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020): Vào tháng 3/2010, sau khi được sự thống nhất trong Đảng ủy, trường thành lập ra ban soạn thảo chiến lược phát triển trường [H1.01.01.08]. Đến tháng 6/2010 bản dự thảo hoàn tất rồi được gửi đến tất cả cán bộ, giảng viên, công nhân viên trường để góp ý. Sau đó trường tổ chức Hội nghị toàn thể cán bộ là Ban Giám hiệu, Trưởng phó phòng khoa, chủ tịch Công đoàn và Bí thư Đoàn thanh niên để góp ý lần cuối cùng. Chiến lược phát triển trường được thông qua và ban hành vào tháng 12/2012 [H1.01.01.09].

Giai đoạn 2 (điều chỉnh một số nội dung trong kế hoạch phát triển ban đầu): Đến tháng 7/2012, sau một năm rưỡi thực hiện theo kế hoạch đề ra trong bản chiến lược phát triển, trường đã tổ chức hội nghị sơ kết quá trình thực hiện và điều chỉnh một số nội dung trong kế hoạch ban đầu cho phù hợp hơn với tình hình mới [H1.01.01.10].

Giai đoạn 3 (tiếp tục theo dõi quá trình thực hiện chiến lược phát triển trường): tháng 8/2012 Quốc hội khóa 12 đã thông qua Luật giáo dục đại học, luật có hiệu lực từ tháng 01/2013, do vậy trường sẽ có các bước đi để thực hiện Luật giáo dục đại học cũng như một số quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.01.01.11].

Mục tiêu của trường cũng được phổ biến đến từng người học. Hằng năm, trường đưa các nội dung trên vào các bài giảng trong “Tuần lễ công dân sinh viên” để mỗi sinh viên đều biết và nhận thức được mục tiêu đào tạo của trường.

2. Những điểm mạnh:

Các mục tiêu của trường được xác định cụ thể theo từng giai đoạn, rõ ràng, phù hợp với Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố. Mục tiêu được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện.

3. Những tồn tại:

Quá trình triển khai thực hiện mục tiêu còn chậm.

Việc thăm dò, lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ, giảng viên, công nhân viên, người học, sinh viên đã tốt nghiệp để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Trường lên kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu từng năm học, từng giai đoạn để bảo đảm tính nhất quán và hệ thống.

Từ năm học 2013-2014, trường tiếp tục tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các nội dung về mục tiêu giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau, đồng thời sẽ có kế hoạch thu thập ý kiến đóng góp để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Sứ mạng của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã được xác định, có nội dung rõ ràng; phù hợp với các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ trường cao đẳng; phù hợp với các nguồn lực và định hướng phát triển của trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu giáo dục của trường đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi và sự phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong nhiều năm qua luôn luôn thực hiện, hoàn thành sứ mạng, mục tiêu giáo dục đã xây dựng, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức và quản lý phù hợp với quy định của Nhà nước, với các nguồn lực và cơ sở vật chất của trường đồng thời theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai nghiêm túc.

Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược của trường gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo, với tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trường, chính quyền và các đoàn thể trong trường đã hoạt động và phối hợp hoạt động chặt chẽ, xây dựng được một tập thể cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên về cơ bản đoàn kết nhất trí để trường phát triển.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường cao đẳng và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Căn cứ Điều 12 của Điều lệ trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức trường theo đúng quy định [H2.02.01.01], bên cạnh đó cơ cấu tổ chức của trường được công bố ghi rõ trên website của trường với các nội dung cụ thể về nhân sự của các phòng, khoa, trung tâm. Quy chế hoạt động của trường đã được xây dựng trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bộ phận và được Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt [H2.02.01.02]. Sau khi được sự phê duyệt của Sở Giao thông vận tải về cơ cấu tổ chức hoạt động của

trường; Ban Giám hiệu đã có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng phụ trách điều hành từng công việc cụ thể [H2.02.01.03].

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức của trường đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt, trường đã xây dựng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, khoa, trung tâm và phân công nhiệm vụ của từng thành viên cá nhân cán bộ công nhân viên chức của trường để nêu cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao [H2.02.01.04].

Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đều được thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Trên cơ sở đó, quyền hạn trách nhiệm của mỗi cá nhân được quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường và nhân dân đến liên hệ công tác thuận lợi.

2. Những điểm mạnh:

Quy định cơ cấu tổ chức của trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt kịp thời là căn cứ để trường hoạt động theo đúng quy định. Trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân được quy định rõ từ đó nêu cao trách nhiệm trong công việc của từng cá nhân và của các phòng, khoa, trung tâm. Qua đó phát huy được nội lực của tập thể sư phạm trường.

3. Những tồn tại:

Do trường mới được nâng cấp lên trường cao đẳng nên một số phòng chức năng theo Điều lệ trường cao đẳng chưa được thành lập và trường đang đào tạo nguồn để bổ sung nhân sự để thành lập các phòng chức năng đó.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2012 -2013: Thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế. Tổ chức quán triệt và thực hiện quy chế trong đội ngũ cán bộ viên chức. Tuyển dụng, thu hút nhân tài với nhiều chính sách ưu đãi.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định

1. Mô tả:

Trên cơ sở chuẩn các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, trường đã thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm: Lấy phiếu tín nhiệm trong cấp ủy, suu tra hồ sơ, kê khai tài sản, kê khai lý lịch, bằng cấp chuyên môn [H2.02.02.01].

Vào tháng 12 hằng năm phòng Tổ chức - Hành chính đều triển khai lấy văn bản hướng dẫn đánh giá xếp loại công chức theo luật viên chức. Qua đánh giá cán bộ công chức hằng năm, các phòng, khoa, trung tâm đã mạnh dạn góp ý cho cá nhân thấy được

những mặt mạnh và những hạn chế của mình để khắc phục và đề ra phương hướng phát triển cho năm tới. Vì vậy từ năm 2009-2011 không có cán bộ, giảng viên, công nhân viên nào vi phạm kỷ luật phải khiển trách. Hằng năm 100% cán bộ, giảng viên, công nhân viên đều đạt lao động tiên tiến [H2.02.02.02].

Vai trò lãnh đạo của Đảng luôn thể hiện nhất trí giữa lời nói và việc làm, kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên hằng năm đều đạt 100% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cả 07 chi bộ đều đạt chi bộ trong sạch vững mạnh, trong đó chi bộ 1 được công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 03 năm liền. Đảng bộ trường được công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 03 năm liền [H2.02.02.03].

Từ những kết quả đạt được như nêu trên, công tác thi đua khen thưởng của trường cũng được chú trọng, thường được triển khai kịp thời, để động viên, khích lệ cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường hăng hái thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị cấp trên giao [H2.02.02.04].

Đặc biệt năm nay trường kỷ niệm 35 năm ngày truyền thống trường 1977- 2012, trường vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước tặng [H2.02.02.05]. Đây là niềm vinh dự lớn của trường đồng thời cũng khẳng định được vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể trường trong suốt thời gian qua. Các đồng chí đã đoàn kết, thống nhất, đồng tâm, đồng lòng xây dựng chiến lược phát triển của trường ngày càng phát triển bền vững.

2. Những điểm mạnh:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đáp ứng các tiêu chuẩn đúng với quy định của Điều lệ trường cao đẳng, các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong giải quyết công việc chung của trường.

Hàng năm trong Hội nghị cán bộ công chức đều phát phiếu thăm dò việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mối quan hệ giữa lãnh đạo với cán bộ, giảng viên, công nhân viên; phẩm chất đạo đức, lối sống của các đồng chí trong Ban Giám hiệu trường tỷ lệ đều đạt trên 90% sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, công nhân viên đối với Ban Giám hiệu.

3. Những tồn tại:

Do trường có 03 cơ sở ở cách xa nhau, cơ sở 3 mới đi vào hoạt động từ năm học 2011-2012 nên Ban Giám hiệu chưa tổ chức đối thoại với cán bộ, giảng viên, công nhân viên mà mới chỉ dừng ở việc đối thoại qua các cuộc họp giao ban hằng tháng.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014, Ban Giám hiệu tăng cường giám sát và đối thoại với cán bộ, giảng viên, công nhân viên ít nhất 01 lần/năm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có đủ thành phần và thực hiện được chức năng theo quy định của điều lệ Trường cao đẳng

1. Mô tả:

Theo Điều 18 của Điều lệ trường cao đẳng, trường đã thành lập và kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo của trường [H2.02.03.01].

Hội đồng khoa học hoạt động theo đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng khoa học và đào tạo.

Các cuộc họp đều có đánh giá những việc làm được và những tồn tại của công tác nghiên cứu khoa học [H2.02.03.02].

2. Những điểm mạnh:

Có đội ngũ giảng viên trẻ nhiệt tình say mê nghiên cứu

Trường tạo điều kiện cho các cán bộ, giảng viên, công nhân viên nghiên cứu khoa học, có sự đầu tư về cơ sở vật chất cho công tác nghiên cứu.

3. Những tồn tại:

Trường mới được nâng cấp lên cao đẳng nên công tác nghiên cứu khoa học cũng còn hạn chế chưa đạt được nhiều thành tựu.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014, đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức, trường học trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4. Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo quy định

1. Mô tả:

Hiện nay, trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có 06 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Quản trị vật tư, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) [H2.02.04.01]; 07 khoa (Khoa Đại cương, Khoa Kinh tế, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Kỹ thuật ô tô, Khoa Kỹ thuật điện - điện tử, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Giao thông thủy) [H2.02.04.02]; 03 Trung tâm (Trung tâm Đào tạo lái xe, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn và giới thiệu việc làm) [H2.02.04.03].

Trên cơ sở các khoa được thành lập, căn cứ vào Điều lệ trường cao đẳng, phòng Tổ chức - Hành chính đã xây dựng tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó

Trưởng phòng, Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Giám đốc và Phó Giám đốc trung tâm và các tổ trưởng tổ bộ môn theo đúng chuẩn. Có những khoa, trưởng khoa có năng lực, kinh nghiệm nhưng chưa đủ chuẩn theo quy định sẽ được xem xét giữ chức vụ Quyền trưởng khoa để tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Quyết định bộ nhiệm của các chức danh...[H2.02.04.04] kèm theo danh sách của cán bộ các phòng, khoa, trung tâm.

Khi các khoa được thành lập, trưởng các phòng, khoa, trung tâm xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoạt động của bộ phận mình. Trên cơ sở đó, để các khoa hoạt động đúng với quy định của pháp luật [H2.04.04.05].

2. Những điểm mạnh:

Các phòng chức năng và các khoa chuyên ngành đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các khoa đã hoàn thiện nhân sự đủ chuẩn để thành lập các tổ bộ môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, mở rộng ngành nghề đào tạo, lưu lượng học sinh, sinh viên hằng năm đều tăng. Các thầy, cô giáo đã thực sự trở thành tấm gương tự lực, tự rèn cho học sinh, sinh viên noi theo.

3. Những tồn tại:

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực chuẩn hóa đối với chuẩn chức danh của Trưởng khoa theo Điều lệ trường cao đẳng nhưng vẫn còn 03 trưởng khoa chưa đạt chuẩn (Trưởng khoa Kỹ thuật xây dựng - do tuổi đã cao không đi học; Trưởng khoa Kỹ thuật Ô tô và Trưởng khoa Giao thông thủy vẫn chưa sắp xếp được thời gian để đi học). Nhân sự tổ bộ môn khoa Đại cương còn mỏng cần phải bổ sung.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, trường sẽ tiếp tục khuyến khích cán bộ, giảng viên đăng ký tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ, đặc biệt đối với các chức danh trưởng, phó các phòng, khoa, tổ bộ môn nếu không đủ chuẩn sẽ cương quyết không bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo quy định

1. Mô tả:

Theo điều 23, 24 Điều lệ trường cao đẳng phải có các tổ chức nghiên cứu khoa học, các cơ sở thực hành. Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của trường [H2.02.05.01].

Hàng năm việc nghiên cứu khoa học đều được báo cáo và nghiệm thu [H2.02.05.02].

Hiện tại trường có 01 phòng thí nghiệm về vật liệu xây dựng, xưởng thực hành điện - điện công nghiệp, kỹ thuật ô tô, phòng thí nghiệm lý - hóa phục vụ cho công tác giảng dạy và thực tập của học sinh, sinh viên.

2. Những điểm mạnh:

Hiện nay công tác nghiên cứu khoa học giao cho Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn phụ trách, nên việc thực hiện triển khai nghiên cứu khoa học có nhiều thuận lợi.

Các xưởng thực tập, phòng thí nghiệm chuyên ngành đều đạt chuẩn theo quy định và được đưa vào giảng dạy đạt hiệu quả.

3. Những tồn tại:

Trường mới được nâng cấp lên cao đẳng nên công tác nghiên cứu khoa học mặc dù được Ban Giám hiệu trường quan tâm, nhưng do còn mới giảng viên chưa quen, chưa thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và chưa có cán bộ chuyên trách về công tác nghiên cứu khoa học của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2013-2014 trường sẽ tiếp tục bồi dưỡng, tuyển dụng, điều chuyển, bố trí nhân sự có trình độ phù hợp để phụ trách công tác nghiên cứu khoa học

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2.6. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả:

Theo Điều lệ trường cao đẳng để có cơ sở đánh giá công tác giảng dạy của giáo viên và học sinh sinh viên, trường đã thành lập phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, có chức năng kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục của trường [H2.02.06..01]

Hiện nay nhân sự của phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục có 03 nhân sự gồm 01 trưởng phòng, 02 chuyên viên kiêm giảng viên giảng dạy [H2.02.06.02].

Nhân sự của phòng khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục đều đạt chuẩn có trình độ từ đại học trở lên. Các cán bộ của phòng đều đạt trình độ cử nhân tin học, trình độ ngoại ngữ nghe, hiểu đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục của trường [H2.02.06.03].

Mới được thành lập và đi vào hoạt động được 01 năm nhưng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục làm việc rất nghiêm túc, nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ [H2.02.06.04].

2. Những điểm mạnh:

Mặc dù mới được thành lập nhưng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đã xây dựng hoàn thiện bổ sung tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Kết thúc học kỳ đều có báo cáo sơ, tổng kết đưa công tác đánh giá chất lượng dạy và học đi vào nề nếp, đảm bảo an toàn tuyệt đối các kỳ thi của trường như: Thi học kỳ, thi tốt nghiệp, tuyển sinh cao đẳng...

3. Những tồn tại:

Tuy các thành viên của phòng kiểm định đều đạt trình độ đại học nhưng chưa có giảng viên nào đạt chuẩn theo yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2012, động viên cả về vật chất và tinh thần để giảng viên phòng kiểm định đi học sau đại học về chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7. Tổ chức Đảng trong trường cao đẳng phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật

1. Mô tả:

Đảng bộ trường có 86 đảng viên (trong đó có 16 đảng viên là học sinh sinh viên - sinh hoạt tại chi bộ 6) được chia thành 07 chi bộ bộ phận [H2.02.07.01]. Ban chấp hành Đảng bộ họp định kỳ vào ngày 28 hằng tháng và đưa ra nghị quyết hoạt động của trường; trên cơ sở đó các chi bộ bộ phận sẽ sinh hoạt vào các ngày từ 01 đến 05 hằng tháng để triển khai Nghị quyết của chi bộ tùy theo chức năng nhiệm vụ của chi bộ mình. Mỗi 06 tháng Đảng bộ đều có báo cáo sơ kết những việc đã làm được và đề ra phương hướng nhiệm vụ của 06 tháng cuối năm [H2.02.07.02].

Hàng năm các chi bộ đều xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên mới và chỉ tiêu đó đều hoàn thành đúng kế hoạch đề ra [H2.02.07.03].

Vì số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường còn ít nên Ban chấp hành đảng bộ và Ban Giám hiệu chưa xây dựng lịch tiếp dân nhưng bất cứ lúc nào cán bộ, giáo viên, công nhân viên của trường có vấn đề gì cần đề xuất Ban Giám hiệu cũng sẵn sàng lắng nghe và giải đáp.

Hàng năm Đảng bộ trường đều được cấp trên khen thưởng đánh giá cao về công tác đảng 05 năm liền Đảng bộ trường đạt Đảng bộ “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” 100% đảng viên của trường đều đạt đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. 07 chi bộ bộ phận đạt chi bộ trong sạch vững mạnh trong đó chi bộ 01 đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu [H2.02.07.04].

2. Những điểm mạnh:

Các thành viên trong Ban chấp hành đều gương mẫu, đoàn kết thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Những tồn tại:

Các đồng chí trong cấp ủy, bí thư các chi bộ đều là cán bộ chủ chốt của các bộ phận nên kiêm nhiệm nhiều công tác vì vậy việc giám sát thực hiện Nghị quyết của chi bộ đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013 tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên về nhiệm vụ chính trị của trường và làm tốt công tác phát triển đảng trong khối học sinh, sinh viên và giảng viên trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.8. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường Cao đẳng góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của Pháp luật

1. Mô tả:

Theo quy định của Điều lệ công đoàn, cứ 02 năm công đoàn cơ sở lại tổ chức Đại hội công nhân viên chức người lao động một lần và bầu ra Ban chấp hành Công đoàn mới [H2.02.08.01].

Tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trường là 231 người trong đó có 178 đoàn viên công đoàn được chia thành 18 tổ công đoàn. Ban chấp hành công đoàn trường và các tổ Công đoàn đều sinh hoạt đúng định kỳ mỗi tháng 01 lần để triển khai các công tác.

Mỗi quý, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều có báo cáo hoạt động các phong trào của đoàn thể [H2.02.08.02].

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường cũng hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Đoàn thanh niên mỗi kỳ đại hội đều có nghị quyết để thực hiện.

Các tổ chức đoàn thể của trường đều thực hiện tốt quy chế dân chủ của trường.

Những năm qua các tổ chức đoàn thể của trường đều đạt các danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Đoàn thanh niên vững mạnh xuất sắc [H2.02.08.04].

2. Những điểm mạnh:

Những năm qua hoạt động các đoàn thể của trường đã phát huy được sức mạnh của tập thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, công nhân viên đoàn kết thực hiện tốt quy chế tập trung dân chủ nên không có trường

hợp khiếu kiện xảy ra. Tổ chức Công đoàn phát huy tốt vai trò bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

3. Những tồn tại:

Cán bộ đoàn thể đều là kiêm nhiệm nên các hoạt động phong trào còn hạn chế, chưa có chiều sâu.

4. Kế hoạch hành động:

Phát sức mạnh đoàn kết nội bộ của cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, động viên kịp thời các cán bộ, giảng viên, công nhân viên đạt thành tích tốt trong công tác. Tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đều đạt chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng, được bổ nhiệm theo đúng quy trình [H2.02.09.01].

Xếp loại công chức và đảng viên hằng năm theo đúng quy định, hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và Đảng ủy Sở Giao thông vận tải. Kết quả là 100% cán bộ quản lý đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H2.02.09.02].

Cuối năm Hội đồng sư phạm của trường đều có báo cáo tổng kết về công tác giảng dạy, về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và cán bộ quản lý về thực hiện nhiệm vụ được giao [H2.02.09.03].

Nhằm động viên tinh thần các cán bộ, giảng viên, công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học Hội đồng thi đua khen thưởng của trường họp để đánh giá xếp loại thi đua các cấp cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên [H2.02.09.04].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, công nhân viên của trường luôn phấn đấu tự học nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo, thực hiện nghiêm túc kỷ luật trong công việc, chấp hành nội quy quy chế của trường, của ngành. Các giảng viên tự tìm tòi đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng giờ dạy.

3. Những tồn tại:

Một số giảng viên chưa sắp xếp thời gian để đi học nâng cao trình độ.

Chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp giảng dạy do còn hạn chế về ngoại ngữ.

Do còn thiếu giảng viên nên các giảng viên đều dạy nhiều giờ, chưa có thời gian dành cho nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, trường tiếp tục triển khai, khuyến khích việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên giỏi là nhân tố quyết định chất lượng giảng dạy của trường. Vì vậy, hằng năm trường đều có quy hoạch cán bộ, bồi dưỡng cán bộ quản lý nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên toàn trường với mức học phí hỗ trợ theo quy định đã được thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức hằng năm.

Để xây dựng trường đạt chuẩn, trường sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý theo đúng Điều lệ trường cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu: Chương trình đào tạo là một trong các yếu tố quan trọng đảm bảo chất lượng đào tạo. Một chương trình đào tạo tốt phải hội đủ các điều kiện như: Bám sát chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có sự tham gia rộng rãi của các giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên viên trong ngành, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và ngay cả các doanh nghiệp là nơi sử dụng lao động có trình độ nghề nghiệp cao. Chương trình đào tạo phải có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, xác định rõ chuẩn đầu ra đáp ứng linh hoạt nhu cầu của doanh nghiệp. Các học phần phải có đủ đề cương chi tiết, bài giảng hoặc giáo trình hoặc tài liệu học tập. Chương trình đào tạo phải được bổ sung, điều chỉnh định kỳ trên cơ sở góp ý của các nhà tuyển dụng, người học và các tổ chức giáo dục. Phải có tính liên thông với các chương trình đào tạo khác. Ngoài ra chương trình đào tạo còn phải được đánh giá theo định kỳ.

Chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, có mục tiêu giáo dục rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực của thị trường lao động (giáo dục và xã hội).

Chương trình đào tạo của trường được kịp thời bổ sung, điều chỉnh vào mỗi đầu năm học, dựa trên việc tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng, ý kiến của các giảng viên trực tiếp giảng dạy và cựu sinh viên.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường cao đẳng được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường cao đẳng có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy và liên thông. Trong đó bám sát theo chương trình khung theo quyết định 64/2007/BGDĐT ngày 21/12/2007 và quyết định số 23/2004/BGDĐT ngày 29/7/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.01.01].

Năm 2009, trường thành tổ chức biên soạn 03 chương trình đào tạo các ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Kế toán trình độ cao đẳng hệ chính quy. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành vào tháng 07/2009 để áp dụng cho năm học đầu tiên 2009-2010 [H.03.01.01-02]. Đến tháng 07/2012, sau ba năm thực hiện giảng dạy theo chương trình đào tạo ban đầu, trường đã thành lập Hội đồng thẩm định để bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trong chương trình đào tạo ban đầu cho phù hợp hơn với những thay đổi trong thực tiễn nghề nghiệp [H.03.01.03].

Năm 2010, trường biên soạn thêm 03 chương trình đào tạo các ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, Quản trị kinh doanh và Tin học ứng dụng trình độ cao đẳng hệ chính quy, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành vào tháng 08/2010 để áp dụng cho năm học 2010-2011 [H.03.01.06-04]. Đến tháng 07/2012, sau hai năm thực hiện giảng dạy theo chương trình đào tạo ban đầu, trường đã thành lập Hội đồng thẩm định để bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trong chương trình đào tạo ban đầu cho phù hợp hơn với những thay đổi trên thực tiễn nghề nghiệp. [H.03.01.05].

Trong quy chế hoạt động của trường có quy định về quy trình xây dựng chương trình: thành lập hội đồng biên soạn của các khoa, hội đồng thẩm định của trường, tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ giảng viên, sinh viên [H3.03.01.06]. Đặc biệt một số khoa có mời chuyên gia tư vấn tham gia vào hoạt động biên soạn chương trình. Bắt đầu từ năm học 2010-2011 chương trình đào tạo của trường đã đưa lên website của trường.

2. Những điểm mạnh:

Thực hiện đúng quy định của Bộ về vấn đề xây dựng chương trình, có quy trình rõ ràng, có sự tham gia của tất cả giảng viên, cán bộ quản lý.

- Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đóng ở một địa bàn trung tâm kinh tế, chính trị và khoa học năng động nhất cả nước. Đây là những tiền đề tốt để cập nhật thông tin, xây dựng và biên soạn chương trình đào tạo có chất lượng tốt.

3. Những tồn tại:

Việc lưu giữ các hồ sơ minh chứng trong việc xây dựng chương trình chưa liên tục và chưa có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động:

Có kế hoạch hợp tác lâu dài với các nhà tuyển dụng, chuyên gia tư vấn và đồng nghiệp ở các trường bạn để nắm bắt nhu cầu lao động của thị trường và điều chỉnh chương trình phù hợp với nhu cầu của xã hội từ năm học 2013- 2014.

Có kế hoạch lưu trữ hồ sơ minh chứng trong việc xây dựng chương trình một cách hệ thống từ năm học 2013-2014.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Chương trình đào tạo của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu là đào tạo các cử nhân cao đẳng đáp ứng được yêu cầu đổi mới của ngành giao thông vận tải trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các cử nhân cao đẳng được Trường đào tạo phải có đủ phẩm chất, năng lực và sức khoẻ để đảm bảo thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình và có khả năng đáp ứng được sự phát triển của ngành, đồng thời có kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng [H3.03.02.01]. Mục tiêu này được xác định rõ ràng, cụ thể như về phẩm chất chính trị, nghề nghiệp; về kiến thức; kỹ năng và thái độ được quy định rõ trong “Chương trình đào tạo cao đẳng hệ chính quy” [H3.03.02.02].

Cấu trúc chương trình đào tạo của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng cho cả 06 ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Tin học ứng dụng [H3.03.02.03].

Chương trình đào tạo của các ngành trong trường cấu trúc gồm 2 phần: 1) Kiến thức giáo dục đại cương; 2) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Phần kiến thức đại cương

chiếm gần 40% đơn vị học trình chưa kể bộ môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất; phần kiến thức chuyên nghiệp chiếm hơn 60% đơn vị học trình, gồm kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức chuyên ngành.

Chương trình đào tạo của trường đều đi từ kiến thức đại cương đến chuyên nghiệp, từ những kiến thức nền tảng, cơ bản đến chuyên sâu; có cấu trúc hợp lý, hệ thống giữa phần đại cương và chuyên nghiệp cũng như giữa các học phần với nhau, đáp ứng được yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của bậc cao đẳng.

Ngoài ra, trường bước đầu tiến hành khảo sát, trung cầu ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo từ sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và thông qua việc hướng dẫn sinh viên đi thực tập của các giảng viên là trưởng đoàn, từ đó chỉnh sửa, bổ sung chương trình nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.03.02.04].

2. Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo của trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính hệ thống, khoa học và yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của bậc cao đẳng, đáp ứng được yêu cầu của người học và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Những tồn tại:

Việc tham khảo nhiều chương trình đào tạo của các nước tiên tiến trên thế giới còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2013-2014, tiến hành trung cầu ý kiến của nhà tuyển dụng ở tất cả các khoa.

Khuyến khích các khoa tham khảo chương trình đào tạo của các nước tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3. Các học phần, môn học trong chương trình đào tạo có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh hiện đang đào tạo sinh viên cao đẳng hệ chính quy, hệ liên thông 6 ngành học tại 5 khoa Kinh tế, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ thông tin. Hầu hết các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của 5 khoa đều có đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng được mục tiêu của học phần, môn học [H3.03.03.01]. Đội ngũ giáo viên của trường đã biên soạn giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của các học phần, môn học và được thư viện lưu trữ phục vụ việc dạy

và học của trường [H3.03.03.02]. Hằng năm trường có kế hoạch thực hiện khảo sát phỏng vấn sinh viên về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy của giảng viên về các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của trường để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa [H3.03.03.03].

2. Những điểm mạnh:

Các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung và văn bản hướng dẫn thiết kế chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quy trình về hồ sơ biên soạn và thẩm định của hội đồng đối với các học phần, môn học đào tạo được thực hiện nghiêm túc.

Đội ngũ giảng viên của trường đã tham gia biên soạn giáo trình, đề cương chi tiết, bài giảng cho các học phần, môn học của các ngành đào tạo.

3. Những tồn tại:

Chưa có kế hoạch cụ thể khuyến khích giảng viên nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa cập nhật thường xuyên đề cương bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013, trường ưu tiên kinh phí cho việc biên soạn giáo trình, đề cương chi tiết, bài giảng, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học trong các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành

1. Mô tả:

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, sau 3 năm thực hiện chương trình giáo dục. Thực hiện đổi mới giáo dục đại học, chương trình đào tạo của các khoa, trường đã được điều chỉnh vào những năm 2011-2012.

Sự điều chỉnh chương trình đào tạo dựa trên cơ sở văn bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành và các văn bản pháp lý, các chủ trương của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Sở Giao thông vận tải được thể hiện trong các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và các nhiệm vụ năm học [H3.03.04.1].

Tất cả các đợt bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo đều được thực hiện trên cơ sở các hội thảo khoa học và tiếp thu các ý kiến từ các giảng viên của trường, ý kiến các chuyên gia.

Việc lấy ý kiến của sinh viên về chương trình đào tạo được thực hiện thường xuyên mỗi năm học [H3.03.04.02].

2. Những điểm mạnh:

Trường luôn quan tâm đến chất lượng của chương trình đào tạo và được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên các ý kiến phản hồi từ giảng viên, các chuyên gia giáo dục, người tốt nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

3. Những tồn tại:

Việc lưu trữ hồ sơ, thủ tục pháp lý về điều chỉnh chương trình của trường chưa có hệ thống.

Việc tham khảo chương trình quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2013-2014, trường có hướng dẫn cụ thể trong việc lập hồ sơ và lưu trữ văn bản chỉnh sửa chương trình.

Đẩy mạnh hơn nữa việc tham khảo các chương trình quốc tế trong các ngành trường tổ chức đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả:

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo liên thông, trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các yêu cầu đảm bảo liên thông trong xây dựng chương trình đào tạo của các khoa và các bộ môn từ năm 2009-2010. [H3.03.05.01].

Từ năm 2009 đến nay, dựa trên chương trình khung của Bộ ban hành, chương trình đào tạo hệ chính quy của các khoa, ngành học đã điều chỉnh và xây dựng đảm bảo yêu cầu liên thông với chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Các chương trình này đảm bảo liên thông trong việc thiết kế nội dung chương trình giảng dạy các môn đại cương, đảm bảo khối lượng nội dung theo số đơn vị học trình của các môn học và các phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá. Trên cơ sở đó để xét chuyển điểm cho sinh viên có nhu cầu giữa các khoa, các ngành học trong trường [H3.03.05.02]

2. Những điểm mạnh:

Các khoa đã có đầy đủ chương trình đào tạo được xây dựng dựa vào chương trình khung của Bộ và đảm bảo liên thông với chương trình đào tạo hệ trung cấp.

3. Những tồn tại:

Chưa phối hợp xây dựng được chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học với các trường khác.

4. Kế hoạch hành động:

Xây dựng chương trình liên thông giữa các ngành và các chương trình đào tạo trong trường từ trung cấp lên cao đẳng cho các khoa, ngành năm học 2013-2014 kết hợp với kế hoạch chuyển đổi chương trình sang đào tạo theo tín chỉ của các khoa, các bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá theo năm học và thực hiện bổ sung, điều chỉnh trong từng năm học tiếp theo. Trường luôn đề ra chủ trương, kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo của trường, khoa, bộ môn [H3.03.06.01].

Hàng năm, quy trình đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện dưới nhiều hình thức của các tổ bộ môn và khoa; rút kinh nghiệm trong báo cáo tổng kết năm học và qua các cuộc họp góp ý của các khoa trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, đổi mới chương trình đào tạo [H3.03.06.04].

2. Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo được đánh giá thường xuyên nhằm bổ sung điều chỉnh, cải tiến.

3. Những tồn tại:

Trường chưa thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường.

Các văn bản hồ sơ được lưu trữ chưa theo quy trình khoa học.

Chưa tổ chức kiểm tra chéo công tác chuyên môn giữa các khoa, bộ môn.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013 thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường.

Quy định phân cấp quản lý hồ sơ lưu trữ ở phòng đào tạo với khoa từ năm 2013.

Tổ chức kiểm tra chéo công tác chuyên môn ở các khoa, bộ môn từ năm học 2013-2014.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Tiêu chuẩn 3 bao gồm 6 tiêu chí và tất cả các tiêu chí đều tự đánh giá là đạt. Chương trình đào tạo của Trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của hệ đào tạo cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu năng lực của thị trường lao động. Chương trình được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý và các chuyên gia.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của sinh viên, trong những năm qua trường đã áp dụng học chế học phần một cách mềm dẻo đồng thời tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Trường quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học.

Tiêu chí 4.1. Công tác tuyển sinh được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng ban hành hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.01]. Để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế và lộ trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công việc tuyển sinh của Trường thực hiện theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1 (công tác chuẩn bị cho kỳ thi): Hằng năm vào khoảng đầu tháng 2, để tạo điều kiện cho các thí sinh sắp thi vào trường nắm bắt được thông tin về các ngành đào tạo của Trường, Trường bắt đầu thông báo và giới thiệu các ngành nghề đào tạo của trường thông qua báo đài, website của trường (www.hcmct.edu.vn) và các chuyên tư vấn tuyển sinh của báo giáo dục [H4.04.01.02].

Dựa vào quy chế tuyển sinh và để đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ban, từng cá nhân cụ thể [H4.04.01.03]. Những cán bộ được lựa chọn để thực hiện công tác tuyển sinh đều là các

cán bộ có phẩm chất, năng lực và kinh nghiệm. Ban thư ký có nhiệm vụ hướng dẫn thủ tục đăng ký dự thi, nhận hồ sơ tuyển sinh, nhập, xử lý hồ sơ đăng ký dự thi, kiểm dò, thống kê, phân phòng thi, đánh số báo danh và gửi giấy báo thi tới tất cả thí sinh theo đúng tiến độ quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo được ghi trong “Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học và Cao Đẳng” [H4.04.01.04]. Các ban tuyển sinh chuẩn bị tiến hành công tác tổ chức thi (chuẩn bị phòng thi, giấy thi, danh sách cán bộ tham gia tuyển sinh,...), Ban đề thi chuẩn bị công tác ra đề theo đúng nội dung, quy trình và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban thanh tra thực hiện kiểm tra tất cả các giai đoạn chuẩn bị của các ban, cá nhân và thực hiện niêm phong tất cả các phòng thi trước ngày thi [H4.04.01.05].

Giai đoạn 2 (công tác tổ chức kỳ thi): Giữa tháng 7, trường bắt đầu thi tuyển sinh theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tuyển sinh và cán bộ tham gia tuyển sinh, thí sinh tham gia kỳ thi nghiêm túc, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định chung được ghi trong Quy chế. Ban coi thi, Ban thư ký, Ban thanh tra phối hợp làm việc để đảm bảo tính công bằng, khách quan của kỳ thi. [H4.04.01.06]

Giai đoạn 3 (công tác chấm thi): Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị khu vực chấm thi, bảo vệ và tiến hành công tác chấm thi. Ban thư ký bắt đầu thực hiện công tác đánh phách và rọc phách bài thi. Công việc này được thực hiện bí mật dưới sự giám sát của Ban thanh tra tuyển sinh theo đúng quy trình và quy định trong Quy chế. Ban chấm thi tiến hành chấm thi, thống nhất kết quả thi của từng bài thi và ghi kết quả bài thi vào biểu 4 dưới sự giám sát của Ban thanh tra tuyển sinh theo đúng quy trình và quy định trong Quy chế. Ban thư ký nhập kết quả thi từng môn thi và tổng hợp điểm các môn thi, kiểm dò lại điểm từng môn thi dưới sự giám sát của Ban thanh tra tuyển sinh. [H4.04.01.07].

Giai đoạn 4 (xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển): Đầu tháng 8, sau khi Ban thanh tra tuyển sinh đã kiểm tra hoàn tất và Hội đồng tuyển sinh thông qua, Ban thư ký sẽ công bố công khai kết quả tuyển sinh thông qua báo đài, website của trường, báo điện tử,... và gửi kết quả về cho Ban tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để phân tích điểm sàn [H4.04.01.08]. Sau khi có kết quả điểm sàn, Hội đồng tuyển sinh trường họp quyết định điểm trúng tuyển cho từng ngành. Quyết định điểm trúng tuyển (điểm chuẩn), danh sách trúng tuyển của các ngành và công bố công khai kịp thời trên báo đài, website của trường. Đầu tháng 9, trường bắt đầu nhận hồ sơ nhập học và tiếp tục tuyển tiếp nguyện vọng 2, (nếu thiếu chỉ tiêu).

Giai đoạn 5 (thống kê và rút kinh nghiệm): Hội đồng tuyển sinh thống kê lại tất cả dữ liệu của tuyển sinh gửi báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện công tác lưu

trữ cho tuyển sinh [H4.04.01.09]. Hội đồng hợp tổng kết, so sánh với các năm trước và rút kinh nghiệm

Do làm tốt công tác tư vấn kỳ thi tuyển sinh và chất lượng đào tạo của trường mỗi ngày được nâng lên, nên số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào trường năm sau cao hơn năm trước. Đồng thời, hoạt động tổ chức các kỳ thi tuyển sinh đã đi vào nề nếp, ổn định, không có sai phạm lớn nào xảy ra.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã chủ động tổ chức tốt các kỳ thi tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ký kết hợp đồng với các đơn vị có liên quan có trách nhiệm một số khâu trong kỳ thi tuyển sinh, như về cơ sở vật chất, giáo viên coi thi, chấm thi...[H4.04.01.10]

Cán bộ, giảng viên tham gia công tác tuyển sinh có tinh thần trách nhiệm cao, luôn học hỏi cầu tiến và trường luôn có sự chuẩn bị tốt trước khi tổ chức kỳ thi tuyển sinh, kết quả là công tác tuyển sinh qua các năm đảm bảo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh của trường có nhiều kinh nghiệm giúp công việc tuyển sinh (công tác chuẩn bị thi, đánh phách, rọc phách, chấm thi và nhập kết quả thi,...) được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và bảo mật. Ban thư ký gồm các cán bộ nhiều kinh nghiệm nên tất cả các thông tin liên quan đến thí sinh (giấy báo thi, kết quả thi,...) được thông báo kịp thời và công khai theo đúng thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhờ đó đảm bảo được tính công bằng, khách quan, kịp thời.

3. Những tồn tại:

Số lượng phòng học của trường hiện tại còn ít nên công tác tổ chức thi còn nhiều hạn chế vì phải thuê nhiều địa điểm thi. Một số phòng thi nhỏ trong khi số lượng thí sinh đông nên để đảm bảo tính công bằng, khách quan trong kỳ thi cán bộ coi thi và thanh tra tại phòng thi còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

Tăng cường tập huấn công tác coi thi, hạn chế tối đa phân công số cán bộ kiêm nhiệm để coi thi. Dần đi vào chuyên môn hóa công tác coi thi.

Đưa lên website của trường về quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để tất cả giảng viên, giáo viên và cán bộ viên chức của trường tham khảo.

Sau kỳ thi tuyển sinh, sẽ tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh để rút kinh nghiệm, khen thưởng, kỷ luật trong kỳ thi tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2. Công khai số liệu thống kê hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

1. Mô tả:

Số liệu học sinh, sinh viên tốt nghiệp hằng năm được thống kê đầy đủ thể hiện ở các văn bản công nhận sinh viên tốt nghiệp, báo cáo tốt nghiệp của từng khóa và trong sổ gốc cấp phát văn bằng của trường [H4.04.02.01].

Những năm gần đây, trường có quan tâm đến việc tìm hiểu tình trạng việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Năm 2009, trường có soạn Thư ngỏ gửi đến các sinh viên khóa cũ để tìm hiểu về việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường [H4.04.02.02] kèm theo đó là Phiếu khảo sát về việc làm của sinh tốt nghiệp [H4.04.02.03]. Kết quả khảo sát đã cho thấy phần lớn sinh viên của trường đã có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên, do phạm vi khảo sát chưa rộng nên việc công khai số liệu này chưa được thực hiện.

2. Những điểm mạnh:

Số liệu thống kê về người tốt nghiệp hằng năm được lưu giữ đầy đủ. Bước đầu đã thu thập được một số thông tin về việc làm của học sinh, sinh viên.

3. Những tồn tại:

Chưa có đầy đủ các số liệu thống kê hằng năm về học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Chưa tổ chức tốt việc công khai số liệu thống kê về học sinh, sinh viên tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục triển khai, đa dạng hóa hình thức và duy trì thường xuyên việc khảo sát, thu thập các thông tin về việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Năm học 2013-2014 tổ chức công khai số liệu người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo trên Website của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3. Tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

1. Mô tả:

Toàn bộ hoạt động tổ chức đào tạo của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo các ngành đã được Trường xây dựng trên cơ sở mục tiêu nội dung của chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4.04.03.01]. Khi xây dựng các chương trình đào tạo cụ thể các ngành của Trường có tính đến nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, có bổ sung điều chỉnh hợp lý với yêu cầu thực tiễn của ngành, của địa phương. Các học phần có đề cương chi tiết học phần và được Hiệu trưởng phê duyệt [H4.04.03.02].

Vào tháng 06 hằng năm, phòng Đào tạo căn cứ vào kế hoạch tổ chức đào tạo từng ngành, từng khóa học để xây dựng: “Tiến độ giảng dạy”, “Thời khóa biểu” và thông báo công khai cho cán bộ, giảng viên, sinh viên. Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo phối hợp cùng với các khoa, bộ môn tiến hành phân công giảng dạy [H4.04.03.03]; hằng ngày phòng Đào tạo, ban kiểm tra quy chế theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo, ghi nhận việc thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên và hằng tháng đều có báo kịp thời [H4.04.03.04]; Kết quả đào tạo được thông báo công khai cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và được lưu giữ tại văn phòng các khoa và phòng Đào tạo [H4.04.03.05].

Đối với những vấn đề mới, Trường còn mời các giảng viên là nhà chuyên môn đang làm việc ở các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo để cập nhật những yêu cầu của ngành, của xã hội. Trong công tác thực hành thực tập, trường thường xuyên liên hệ với các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên... để tiếp nhận những ý kiến phản hồi góp ý về quá trình tổ chức đào tạo, mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo [H4.04.03.06].

Tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, hằng năm trường xây dựng biên chế năm học, khối lượng các học phần, nội dung thi tốt nghiệp theo đúng chuyên đề ngành học; nội dung, thời gian, địa bàn kiến - thực tập; nội dung và hình thức thi... có thay đổi nhằm đáp ứng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo [H4.04.03.07]. Kế hoạch hoạt động đào tạo được tổ chức theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Những mục tiêu, nội dung này được trường chỉnh sửa hằng năm dựa trên cơ sở đóng góp của các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng [H4.04.03.08]. Các hoạt động đào tạo của Trường được tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ theo Quy chế 40/2007/QĐ-BGD-ĐT về đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và quy chế 25/2006/QĐ-BGD-ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng [H4.04.03.09].

2. Những điểm mạnh:

Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo được điều chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội.

Hoạt động đào tạo được thực hiện nghiêm túc theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường.

3. Những tồn tại:

Có tổ chức khảo sát, phỏng vấn cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, nhưng quy mô và hình thức khảo sát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục duy trì nghiêm túc các hoạt động đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của sinh viên, đồng thời tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (dự kiến kế hoạch từ năm học 2014-2015).

Từ năm học 2013-2014, trường dự kiến sẽ tiến hành mở một số chuyên ngành đào tạo mới hệ cao đẳng chính quy (Công nghệ Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ điều khiển và tự động hóa, Khai thác vận tải) đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của xã hội, của người học. [H4.04.03.09].

Từ năm 2013 mở rộng quy mô khảo sát đến tất cả các ngành đào tạo. Số liệu khảo sát được đưa lên website của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4. Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có đội ngũ giảng viên mạnh về chuyên môn, nghiệp vụ nên có nhiều thuận lợi trong việc triển khai chủ trương đổi mới phương pháp dạy học. Từ năm 2008 đến nay, trường đều có kế hoạch mời chuyên gia tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Trường đã triển khai việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng phiếu đánh giá xếp loại giờ dạy giảng viên. Đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu vào hệ thống đánh giá thi đua toàn trường. Những thông tin phản hồi được thu thập qua khảo sát lấy ý kiến môn học của sinh viên [H4.04.04.01] đã góp phần thúc đẩy giảng viên ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình, tích cực rút kinh nghiệm cũng như đầu tư vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy. Các phương pháp giảng dạy hiện nay tại trường được áp dụng rất đa dạng tùy theo tính chất của từng học phần: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình

huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình... Có nhiều học phần giảng viên đã kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau nên đạt hiệu quả cao trong giảng dạy.

Để hỗ trợ cho các phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, trường đã tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: xây dựng các phòng học chuyên ngành, trang bị đèn chiếu, máy tính,... Hầu hết các ngành đào tạo đều có ứng dụng tin học trong giảng dạy.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã chú trọng thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức nhiều hoạt động khác nhau, qua đó đã phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Hoạt động hội giảng, dự giờ, bình giảng hằng năm được trường đặc biệt chú trọng, đã tạo động lực cho các giảng viên tích cực trau dồi kỹ năng giảng dạy.

3. Những tồn tại:

Đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực nhưng chưa đồng bộ, chưa nhân rộng nên chưa tạo được một phong trào phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên.

Chưa có kế hoạch nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tích cực phát huy những sáng kiến kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp dạy và học. . .

4. Kế hoạch hành động:

Đẩy mạnh phong trào đổi mới phương pháp giảng dạy phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học một cách mạnh mẽ, xây dựng thành chủ trương, nghị quyết để hoạt động đồng bộ, toàn diện.

Khuyến khích giảng viên đầu tư nghiên cứu vào các sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy tích cực và làm mô hình giảng dạy.

Từ năm học 2013-2014 sẽ có kế hoạch nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy và học, những sáng kiến kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; Đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

1. Mô tả:

Căn cứ vào các quy chế đào tạo và các quy chế thi tuyển sinh chính quy hiện hành [H4.04.05.01]. Trường đã có nhiều nỗ lực trong đổi mới phương pháp đánh giá kết quả

người học cũng như đổi mới hình thức thi, kiểm tra trắc nghiệm cho từng ngành. Năm 2011 trở về sau, về hình thức đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng hơn các năm trước đó [H4.04.05.02].

Quá trình tổ chức thi đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan không để xảy ra sai sót trong coi và chấm thi, từ đó tạo sự công bằng cho tất cả học sinh, sinh viên. Việc coi và chấm thi học kỳ, học phần, thi tốt nghiệp tuân thủ đúng theo quy chế tuyển sinh, điều này được khẳng định trong quy chế giảng dạy và học tập của trường [H4.04.05.03]. Việc tổ chức thi, kiểm tra cho hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông cũng áp dụng các quy định trên.

Căn cứ vào kế hoạch năm học của trường, phòng Đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, chấm thi và công bố kết quả thi học kỳ [H4.04.05.04], riêng thi tuyển sinh và thi tốt nghiệp ra trường do phòng Đào tạo tổ chức thực hiện [H4.04.05.05]. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức kiểm tra đánh giá công tác đào tạo và tổ chức thi cử của các đơn vị trong trường [H4.04.05.06].

2. Những điểm mạnh:

Các đơn vị trong trường đã chủ động lên lịch giảng dạy học tập và tổ chức thi, kiểm tra học kỳ theo đúng Quy chế đào tạo và theo kế hoạch đào tạo của trường, công bố kết quả thi, kiểm tra đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu người học.

3. Những tồn tại:

Chưa xây dựng được ngân hàng đề thi cho một số môn cơ sở và chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động:

Sắp tới trường định hướng sẽ tăng tỷ lệ thực hiện thi kết thúc học phần bằng tiểu luận nhằm đảm bảo tính thực tiễn, gắn đào tạo với thực hành ở một số môn học.

Thành lập ngân hàng đề thi, để việc tổ chức thi mang tính khách quan và đảm bảo tính công bằng cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6. Đảm bảo an toàn, chính xác trong lưu trữ kết quả học tập của người học.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; xử lý và lưu trữ kết quả học tập của người học một cách an toàn, chính xác theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có hệ thống sổ sách quản lý kết quả học tập từng học phần, từng học kỳ, từng năm học và khóa học cho tất cả các khóa, các hệ đào tạo rõ ràng, đầy đủ và chính xác theo đúng quy định, quy chế đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.06.01].

Trường xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện để cấp giấy chứng nhận, phiếu điểm và văn bằng tốt nghiệp cho từng khóa học một cách chính xác theo đúng quy định [H4.04.06.02] và giải quyết mọi thắc mắc về điểm trung bình chung khóa học, xếp loại tốt nghiệp cho người học nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện. Khi khóa học kết thúc, toàn bộ điểm thi được in và lưu trữ lâu dài cùng với bảng điểm gốc và phần mềm tin học [H4.04.06.03]. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ rõ ràng, được lưu trữ cho từng khóa tốt nghiệp [H4.04.06.04]. Không có trường hợp thất lạc điểm thi, thất lạc văn bằng trong quá trình cấp phát văn bằng hằng năm [H4.04.06.05]. Do dữ liệu về sinh viên đã được đối chiếu khi làm thủ tục đăng ký hồ sơ thi tốt nghiệp nên có rất ít trường hợp in sai về họ tên, ngày sinh, nơi sinh [H4.04.06.06].

Kết quả học tập của người học được quản lý bằng hệ thống sổ sách và bằng các phần mềm chuyên dụng. Các phần mềm chuyên dụng được phân lớp hợp lý và thuận tiện cho việc truy cập, an toàn [H4.04.06.07].

2. Những điểm mạnh:

Công tác quản lý kết quả học tập của người học được cập nhật tại phòng Đào tạo bằng cả hai hệ thống song: hệ thống quản lý sổ sách và phần mềm quản lý chuyên dụng. Điều này đảm bảo tính chính xác trong quản lý, thuận lợi cho việc báo cáo, giải quyết các vấn đề liên quan đến kết quả người học.

3. Những tồn tại:

Hệ thống lưu giữ kết quả học tập của người học còn có những nội dung chưa liên kết được giữa phần mềm cũ và mới.

Hệ thống mạng nội bộ dành cho người học tra cứu kết quả học tập trực tiếp chưa được triển khai trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng Đào tạo sẽ thường xuyên kiểm tra hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý chuyên dùng để có những cải tiến, bổ sung và sửa đổi để khắc phục những khiếm khuyết của chương trình quản lý phù hợp với quy chế 25 hiện tại và quy chế 43 trong những năm tới nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác và an toàn kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của trường.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc quy định về cách đánh giá kết quả học tập và thời gian thông báo kết quả học tập của người học theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.07.01] (từ năm 1999 đến năm 2006 theo quyết định số 04 dành cho hệ chính quy, từ năm 1994 theo quyết định số 3676 dành cho hệ không chính quy; từ năm 2006 đến nay theo quyết định số 25 dành cho hệ chính quy; từ năm 2007 quyết định số 36 dành cho hệ không chính quy).

Trường đã có hệ thống văn bản quản lý để cụ thể hóa các quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.07.02]. Ngay từ đầu năm học các quy định về tỷ trọng đánh giá môn học được các đơn vị tổng hợp, gửi về phòng đào tạo để thống nhất quản lý. Số lượng môn thi, thời gian thi, thời gian công bố điểm quá trình, thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi đã được xác định trong tiến độ giảng dạy [H4.04.07.03], và đã được phổ biến chi tiết đến từng giảng viên bằng văn bản hoặc trong cuộc họp hội đồng sư phạm, đến từng sinh viên (trong tuần lễ “sinh hoạt công dân” đầu khóa và trong sổ tay sinh viên [H4.04.07.04]).

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời bằng bảng thông báo của khoa hay bảng thông báo của trường ngay sau khi có kết quả thi. Từ năm học 2008 trở về sau kết quả học tập của người học được đồng thời công bố trên bảng thông báo và trên website [H4.04.07.05] của trường www.hcmct.edu.vn.

Văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập được quản lý chặt chẽ và được cấp theo đúng quy định của “Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân” [H4.04.07.06]. Phòng Đào tạo của trường thống nhất quản lý toàn bộ kết quả học tập của người học trong quá trình học tại trường. Trước khi tổ chức thi tốt nghiệp, trường tổ chức hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và thông báo cho người học biết kết quả. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi tốt nghiệp, sinh viên được biết kết quả thi của mình. Trường có hệ thống sổ sách theo dõi lưu trữ về việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập cho sinh viên [H4.04.07.07] do phòng đào tạo quản lý thống nhất. Từ năm học 2009-2010 các thông tin về kết quả tốt nghiệp, việc cấp phát văn bằng chứng chỉ đã được đưa lên trang website của trường [H4.04.07.04].

2. Những điểm mạnh:

Trường có hệ thống văn bản quản lý kết quả học tập và cấp phát văn bằng chứng chỉ chặt chẽ, công khai để người học biết.

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, công khai thể hiện tính minh bạch và chính xác, nhờ đó quyền lợi của người học được đảm bảo, đồng thời phát huy tính chủ động của sinh viên trong việc lập kế hoạch học tập, phấn đấu của mình.

Công tác quản lý kết quả học tập của người học được cập nhật tại khoa, phòng đào tạo và phòng đào tạo lưu trữ bằng cả hai hệ thống song song (sổ sách, ổ cứng và phần mềm) giúp cho việc quản lý dữ liệu được chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc tổng hợp báo cáo cũng như giải quyết những vấn đề liên quan đến kết quả học tập của người học.

Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo quy định, kịp thời, công khai, đảm bảo công bằng và quyền lợi cho người học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi đi xin việc làm.

3. Những tồn tại:

Ở một vài môn học thời gian công bố điểm quá trình, kết quả học tập đôi khi còn chậm so với quy định.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014 trường sẽ áp dụng các biện pháp cương quyết hơn để yêu cầu tất cả giảng viên thực hiện đúng thời gian công bố kết quả học tập cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.8. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Trường đã sử dụng phần mềm tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý kết quả thi tuyển sinh và phần mềm EMIS trong quản lý hoạt động đào tạo. Các dữ liệu về hoạt động đào tạo trên phần mềm EMIS được phân quyền trên máy chủ do tổ mạng quản lý và các máy con đặt tại các phòng , khoa. Định kỳ hằng năm kết quả đào tạo từng khóa được in trên giấy và đĩa cứng nhằm đảm bảo an toàn cho các dữ liệu.

Bên cạnh việc quản lý kết quả đào tạo, các dữ liệu về kế hoạch tuyển sinh, chương trình, kế hoạch đào tạo và các hoạt động hỗ trợ như thực hành, thực tập ... đều được lập kế hoạch đầy đủ và được quản lý theo đúng quy định [H4.04.08.01]

2. Những điểm mạnh:

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của trường được xây dựng một cách có hệ thống, chính xác và đầy đủ.

Đã hình thành bước đầu cơ sở dữ liệu về người học tốt nghiệp, việc làm và thu

nhập.

3. Những tồn tại:

Dữ liệu về tình hình học sinh, sinh viên có việc làm chưa đầy đủ và chi tiết nguyên nhân do phương pháp khảo sát chưa đa dạng về hình thức, quy mô.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục triển khai hoạt động thu thập dữ liệu về học sinh, sinh viên tốt nghiệp, và công bố dữ liệu về học sinh, sinh viên tốt nghiệp lên website trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.9. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Đánh giá chất lượng đào tạo là công tác được trường rất quan tâm và trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện mục tiêu này như tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học đối với các hệ đào tạo, hằng năm, trường tiến hành Hội nghị báo cáo tổng kết năm học [H4.04.09.01] nhằm rút kinh nghiệm về tình hình thực hiện công tác đào tạo trong năm, đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ thực hiện cho năm học sau. Hiện nay, trường đang triển khai thực hiện Tự đánh giá theo yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường đã tiến hành một vài cuộc điều tra khảo sát, lấy ý kiến đối với cựu học sinh, sinh viên các khóa về nhu cầu và ý kiến của họ về chất lượng đào tạo đối với công việc sau khi ra trường [H4.04.09.02]. Tuy nhiên, hoạt động này còn thiếu biện pháp cụ thể, chưa mang tính hệ thống... Trường cũng đã từng bước tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng trên địa bàn đào tạo [H4.04.09.03]; một số chuyên ngành đào tạo mới cũng được dự kiến mở thêm nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho ngành và xã hội trong nhiều lĩnh vực; trường tích cực chuẩn bị chuyển đổi phương thức đào tạo từ học chế niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ nhằm thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao tính chủ động của người học [H4.04.09.04].

2. Những điểm mạnh:

Trường đã triển khai tích cực một số nội dung của công tác đánh giá chất lượng đào tạo, trong đó bao gồm các đối tượng: cựu học sinh, sinh viên, các tổ chức và đơn vị.

3. Những tồn tại:

Trường chưa xây dựng được kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi tốt nghiệp ra trường một cách có hệ thống và mang tính lâu dài.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, mở rộng nhiều đối tượng tham gia đánh giá.

Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội, thực hiện tốt sứ mạng và nhiệm vụ được giao.

Năm học 2013-2014 tổ chức đánh giá, rà soát chương trình đào tạo của các ngành cùng với công tác xây dựng chuẩn đầu ra. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và bổ sung, điều chỉnh các quy chế liên quan đến công tác đánh giá chất lượng đào tạo

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Hoạt động đào tạo của trường từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá hoạt động đào tạo, lưu giữ và thông tin kết quả đào tạo đến người học của trường được tổ chức một cách khoa học, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, trường đều báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, trường thường xuyên quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên. Trường chủ động đa dạng hóa phương pháp và hình thức đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác và phù hợp với từng phương thức đào tạo.

Kết quả học tập của người học được trường lưu giữ một cách đầy đủ, chính xác, an toàn. Thông tin cho người học một cách kịp thời; văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ được cấp theo đúng quy định.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu: Tính đến ngày 31 tháng 6 năm 2012, trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có 235 cán bộ viên chức, trong đó có 167 giảng viên thuộc 7 khoa, và 76 cán bộ khối hành chính phục vụ làm việc ở 6 phòng, và 3 trung tâm. Từ nhiều năm nay, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ được trường quan tâm và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm mang ý nghĩa quyết định. Đó chính là cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trong những giai đoạn cụ thể của trường.

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Nhờ vậy đến nay trường có một đội ngũ giảng viên tương đối mạnh và không ngừng phát triển. Tính đến thời điểm tự đánh giá, số giảng viên có trình độ sau

đại học là 49 người (1 tiến sỹ khoa học và 48 thạc sỹ). Thời gian tới, trường tiếp tục có những chính sách khuyến khích học tập nâng cao trình độ, đảm bảo phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên trong tương lai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu phát triển của trường.

Tiêu chí 5.1: Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng

1. Mô tả:

Trường đã tổ chức phổ biến rộng rãi “Quy chế dân chủ cơ sở” trong toàn thể cán bộ viên chức trường. Trường đã xây dựng được “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh”. Quy chế hoạt động này được xây dựng căn cứ theo quy chế thực hiện dân chủ trong trường của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 1/3/2000, được bàn bạc rất kỹ qua nhiều buổi họp của cán bộ chủ chốt, các hội thảo của toàn trường đã được bổ sung và điều chỉnh [H5.05.01.01]. Nội dung quy chế hoạt động đã phát huy tính dân chủ của cán bộ công chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tham gia góp ý xây dựng về chiến lược, chủ trương, kế hoạch công tác của đơn vị và thực hiện nề nếp, trật tự kỷ cương của trường.

Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ thì các quyền lợi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên cũng được đảm bảo thể hiện trong “Quy chế chi tiêu nội bộ” [H5.05.01.02]. quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trong quy chế đã thu hút được sự quan tâm góp ý xây dựng của tất cả cán bộ công chức trong trường và Quy chế có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hằng năm thông qua các biểu quyết của toàn thể cán bộ công chức trong Hội nghị cán bộ công chức [H5.05.01.03].

Để thực hiện theo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường và pháp lệnh cán bộ công chức, hằng năm, trường phối hợp với Ban chấp hành công đoàn trường tổ chức Hội nghị cán bộ công chức. Trong Hội nghị, các cán bộ công chức đóng góp ý kiến cho chủ trương, các kế hoạch công tác của trường, có biểu quyết bằng các nghị quyết để thực hiện [H5.05.01.04]. Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ giám sát trường có thực hiện đúng, đảm bảo quyền lợi của cán bộ công chức, công bằng, khách quan. Ban thanh tra nhân dân đã được trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ [H5.05.01.05]. Mặc dù, Hiệu trưởng chưa có lịch tiếp cán bộ công chức như quy định, nhưng khi có vấn đề, có ý kiến góp ý hoặc cần gặp trực tiếp thì Hiệu trưởng luôn dành thời gian lắng nghe và giải quyết.

Nhìn chung, mọi mặt hoạt động của trường đều được công khai minh bạch và phát huy được tinh thần làm chủ tập thể của tất cả thành viên trong trường. Mọi chủ trương, chính sách của trường đều được công khai hóa và phổ biến rộng rãi để mọi người biết và thực hiện nghiêm túc, tuân theo các quy định chung của trường.

2. Những điểm mạnh:

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện khá tốt. Quyền lợi của cán bộ công chức được đảm bảo. Các đoàn thể trong trường đã phát huy tốt vai trò của mình được thể hiện quyền dân chủ của mình thông qua sự tham gia đóng góp ý kiến về những chủ trương, chính sách có liên quan đến sự phát triển chung của Trường.

Ban thanh tra nhân dân đã có quy chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết các vụ việc.

3. Những tồn tại:

Các hình thức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ công chức cần đa dạng và linh động hơn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013-2014, tổ chức cho cán bộ công chức và sinh viên học tập các quy chế một cách thiết thực và có hiệu quả hơn.

5. Đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

1. Mô tả:

Trường đã có nhiều biện pháp khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho giảng viên, cán bộ và nhân viên nâng cao trình độ, theo “Quy chế đào tạo, đào tạo lại của trường” [H5.05.02.01], “Quy chế tuyển dụng cán bộ, giảng viên” [H5.05.02.02]. Trên cơ sở này hằng năm các phòng, ban, khoa có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cho phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị. Trường đã xây dựng quy trình tuyển dụng thực hiện theo Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19/02/2004, hướng dẫn thực hiện Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý bộ viên chức [H5.05.02.03].

Việc tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước của trường đã được thể hiện cụ thể trong các Quy định về chức năng, nhiệm vụ trong “Quy chế đào tạo, đào tạo lại của

trường Cao đẳng Giao thông vận tải” [H5.05.02.04]. Nhờ những quy định cụ thể, trong 5 năm qua đã có giảng viên, được cử đi học tiến sỹ nước ngoài [H5.05.02.05], có giảng viên học tiến sỹ và thạc sỹ theo các chương trình đào tạo trong nước [H5.05.02.06], nhiều cán bộ công chức được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các khóa ngắn hạn trong nước. Trường cũng luôn chú trọng đến việc mời các chuyên gia về báo cáo, giảng dạy cho giảng viên trong trường [H5.05.02.07]. Tạo mọi điều kiện cho giảng viên và cán bộ quản lý tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đề tài các cấp [H5.05.02.08]

Theo “Quy chế chi tiêu nội bộ”, mặc dù kinh phí còn hạn hẹp nhưng trường luôn quan tâm và có biện pháp trong việc khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như: Về thời gian được giảm tỷ lệ % giờ lao động để học tập, đào tạo [H5.05.02.09], về chế độ khen thưởng, hỗ trợ kinh phí để học sau đại học, các quy định về kinh phí đi lại, ăn ở cho giảng viên, cán bộ viên chức đi học tập, bồi dưỡng, cử cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ, tham quan học tập ở nước ngoài [H5.05.02.10]. Có chế độ khen thưởng cho cán bộ giáo viên khi hoàn thành khóa học sau đại học [H5.05.02.11].

Trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020, trường đặc biệt chú trọng và quan tâm đến đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên trẻ trong việc nâng cao chất lượng chuyên môn [H5.05.02.12].

2. Những điểm mạnh:

Trường đã có những chính sách và biện pháp cụ thể tạo mọi điều kiện về kinh phí và thời gian để hỗ trợ cho cán bộ viên chức được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, đặc biệt là đối với giảng viên trẻ, có chế độ đãi ngộ, khen thưởng khi hoàn thành khóa học.

3. Những tồn tại:

Do có khó khăn về kinh phí và thời gian nên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giảng viên ở các khoa chưa thực hiện đúng theo tiến độ đề ra.

4. Kế hoạch hành động

Trường cần giám sát và hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ.

5. Đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình sinh viên/giảng viên .

1. Mô tả:

Trường đã đảm bảo tỷ lệ người học trên giảng viên (theo quy định chung không vượt quá 25 SV/giảng viên). Đội ngũ giảng viên của trường hiện nay là 189. Trường hiện có 1 tiến sỹ khoa học, 2 tiến sỹ, 71 thạc sỹ [H5.05.03.01]. Trường có 2509 sinh viên chính quy và 716 sinh viên hệ liên thông. Tổng số sinh viên quy đổi hiện nay của trường là 3949,5. Do đó, tỷ lệ người học trên 1 giảng viên quy đổi là 24,26 sinh viên/giảng viên.

Đội ngũ giảng viên hiện tại của trường được phát triển dựa trên các yếu tố về giờ giảng/giảng viên; nhu cầu mở ngành học mới; khối chuyên ngành; số lượng sinh viên chính quy, sinh viên hệ vừa học vừa làm và được xây dựng trên cơ sở cấp khoa. Khoa có trách nhiệm chủ động trong sự phát triển đào tạo nâng cao trình độ, điều tiết cân đối đội ngũ giữa các bộ môn, đáp ứng được nhu cầu phát triển của trường.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên cho từng bộ môn là tương đối hợp lý cả về độ tuổi và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Mỗi bộ môn đều có người lớn tuổi, có kinh nghiệm và có đội ngũ giảng viên trẻ kế cận [H5.05.03.02].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên được trẻ hóa trong 5 năm gần đây, tạo điều kiện cho trường xây dựng đội ngũ giảng viên kế cận trong tương lai.

3. Những tồn tại:

Giảng viên ở độ tuổi 46-55 còn chiếm tỷ lệ cao so với độ tuổi dưới 45.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013-2014 trường tiếp tục chỉ đạo các khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy cho phù hợp với mục tiêu phát triển của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

*Tiêu chí 5.4. **Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.***

1. Mô tả:

Trình độ đội ngũ giảng viên của trường đa số đạt chuẩn theo quy định của Bộ và được đào tạo bài bản [H5.05.04.01]. Tất cả giảng viên đứng lớp đều có các chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.05.04.02]. Trường phân công giảng viên giảng dạy theo trình độ, năng lực và đúng chuyên ngành đã được đào tạo [H5.05.04.03].

Tính đến 31/12/2012 trường có 1 tiến sỹ khoa học, 2 tiến sỹ, 71 thạc sỹ, và 97 cử nhân. Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở các khoa, bộ môn là tương đối hợp lý, phù hợp với cơ cấu và chuyên môn của trường hiện nay [H5.05.04.04].

Đa số giảng viên đều biết sử dụng hoặc sử dụng thành thạo máy tính để ứng dụng trong chuyên môn, trong đó có 100% giảng viên biết sử dụng tin học vào công tác chuyên môn [H5.05.04.05].

Trong số giảng viên cơ hữu của trường có 36,3% có khả năng sử dụng ngoại ngữ để nghiên cứu [H5.05.04.06].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn, được trường phân công theo đúng chuyên ngành đào tạo, đảm bảo cơ cấu và trình độ theo quy định.

Trình độ ngoại ngữ và tin học của giảng viên khá cao, cơ bản đáp ứng về chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2008, trường đã xây dựng chính sách khen thưởng về tài chính cho cán bộ viên chức hoàn thành luận văn thạc sỹ và luận án tiến sỹ. Chính sách này đã góp phần tạo động lực phát triển, học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong đội ngũ cán bộ viên chức của trường.

3. Những tồn tại:

Sự chênh lệch về độ tuổi và trình độ của giảng viên ở một số khoa và bộ môn chưa đồng đều.

Tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sỹ của trường còn thấp so với quy định của Bộ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2013-2014, trường sẽ tiếp tục khuyến khích giảng viên đăng ký tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ, đặc biệt đối với giảng viên trẻ để chuẩn bị cho đội ngũ kế cận.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên của trường năm 2012 có tổng số là 167 giảng viên; giảng viên có thâm niên cao nhất là 33 năm và ít nhất là 1 năm. Có 40 giảng viên có thâm niên trên 20 năm (23,95%), 33 giảng viên có thâm niên từ 10-20 năm (19,76%) và 94 giảng viên có thâm niên < 10 năm (56,29%) [H5.05.05.01]

Số giảng viên ở độ tuổi < 30 có 64 chiếm 38,32%; Từ 30-40 tuổi có 56 chiếm 33,54%; Từ 41-50 tuổi có 24 chiếm 14,37%, từ 51-60 tuổi có 23 chiếm 13,77% [H5.05.05.02]

Qua thống kê cho thấy tỷ lệ khá đồng đều, cân đối đảm bảo cân bằng giữa giảng viên có kinh nghiệm công tác chuyên môn và giảng viên trẻ đảm bảo cho đội ngũ kế cận

trong tương lai. Đội ngũ giảng viên thường xuyên được tuyển mới và trẻ hóa, đặc biệt trong những năm gần đây khi trường mở thêm một số ngành đào tạo mới. Đa số giảng viên trẻ đều có năng lực ngoại ngữ và tin học tốt, tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H5.05.05.03].

2. Những điểm mạnh:

Về cơ bản đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, được trẻ hóa, đồng đều, đảm bảo cho sự phát triển của trường.

3. Những tồn tại:

Thâm niên, độ tuổi của giảng viên chưa được đồng đều ở một số khoa.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013-2014, Trường chủ động ưu tiên tuyển dụng người có trình độ từ thạc sỹ trở lên, lập kế hoạch cụ thể để tiếp tục bồi dưỡng đào tạo, cân đối giữa giảng viên trẻ và giảng viên có thâm niên cao, tạo cho đội ngũ giảng viên của trường có sự cân đối đồng đều giữa các khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Đội ngũ cán bộ phục vụ giảng dạy của trường gồm có 95 người, gồm các cán bộ, nhân viên làm việc tại các phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm. [H5.05.06.01]. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hầu hết có kinh nghiệm và không ngại khó. Trong giai đoạn hiện nay đội ngũ này đã đáp ứng được các nhiệm vụ được giao, có khả năng hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên. Các chuyên viên đa phần đều biết sử dụng vi tính và thành thạo vi tính, có trình độ tin học từ A trở lên và biết sử dụng các trang thiết bị phục vụ đào tạo [H5.05.06.02].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường được đào tạo về chuyên môn và được bố trí công việc phù hợp với chuyên môn đào tạo [H5.05.06.03]. Hằng năm trường đã có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ cho khối cán bộ này bằng cách cử đi học các khóa học ngắn hạn như: hành chính, văn phòng, tin học, ngoại ngữ, kế toán, quản trị, đầu thầu... ở các trung tâm, Học viện hành chính hoặc bồi dưỡng tại trường [H5.05.06.04].

Nhìn chung, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường phục vụ tốt cho công tác, làm việc lâu năm có kinh nghiệm, luôn được bổ sung cán bộ trẻ có năng lực, có khả năng về vi tính, ngoại ngữ, sẵn sàng phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường được trẻ hóa, năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc và đều được bố trí công việc đúng chuyên môn đào tạo nên đã phát huy tốt khả năng trong sự nghiệp phát triển chung của trường.

3. Những tồn tại:

Đội ngũ kỹ thuật viên công nghệ thông tin còn thiếu so với nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo. Một bộ phận nhân viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm và linh hoạt trong công việc.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013 trường sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm kỹ thuật viên công nghệ thông tin nhằm bổ sung vào đội ngũ hiện có, tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7. Tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có đội ngũ giảng viên tâm huyết, giàu kinh nghiệm và năng động trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trường đã triển khai việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên qua hình thức: hằng năm trường tổ chức công tác kiểm tra hồ sơ giáo viên [H5.05.07.01], tổ chức hội giảng [H5.05.07.02]. Đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu vào hệ thống đánh giá thi đua toàn trường.

Trường đã có kế hoạch mời chuyên gia tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp hiện đại vào trong quá trình dạy học [H5.05.07.03].

Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được tiếp thu kiến thức chuyên môn hiện đại, được ứng dụng khoa học - công nghệ, được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp, trường đã tích cực sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông và áp dụng các công cụ hiện đại trong quá trình giảng dạy và học tập với việc tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: máy vi tính, máy overhead, projector, máy chiếu vật thể, . . . đến từng phòng học. Phần

lớn giảng viên của trường đã ứng dụng tin học trong chuyên môn, sử dụng PowerPoint trong giảng dạy và sử dụng e-mail trong việc trao đổi bài tập, bài giảng với sinh viên.

Từ năm 2011 đến nay, trường đã liên tục tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên và điều kiện phục vụ của trường [H5.05.07.04]. Trong đó có yêu cầu sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập, giáo trình tài liệu phục vụ học tập... Qua kết quả khảo sát và đối thoại với sinh viên, trường đã kịp thời chấn chỉnh các hoạt động giảng dạy của giảng viên; tích cực đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập sinh viên.

Cùng với những quy định về đổi mới phương pháp dạy học, trường còn quy định việc đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trên cơ sở cụ thể hóa Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy với việc sử dụng kết hợp nhiều hình thức và phương pháp đánh giá, chú trọng đánh giá thường xuyên, đảm bảo đánh giá người học một cách khách quan [H5.05.07.05].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng ngày càng cao trong quá trình phát triển của trường. Trường thường xuyên chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trang bị các phương tiện dạy học hiện đại.

Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, qua đó đã kịp thời phát huy các mặt tích cực và chấn chỉnh các hạn chế trong hoạt động giảng dạy.

3. Những tồn tại:

Việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa được thực hiện một cách triệt để và đồng bộ rộng khắp toàn trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013 tiếp tục triển khai, khuyến khích việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và có các biện pháp khen thưởng, xử phạt đối với hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Phát triển nguồn nhân lực về số lượng lẫn chất lượng luôn là mối quan tâm hàng đầu của trường. Trong 4 năm gần đây, lực lượng giảng viên của trường đã không ngừng phát triển, đặc biệt là số giảng viên có trình độ sau đại học. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên được đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước thông qua chính sách hỗ trợ tài chính và

qua con đường hợp tác quốc tế và ngân sách Nhà nước. Do vậy, nhiều cán bộ giảng viên của trường đã đạt được bằng cấp, học vị cao và đa số đang giữ những vai trò chủ chốt ở các đơn vị trong trường.

Trong thời gian tới, trường sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu cũng như điều chỉnh một số chế độ chính sách hỗ trợ đối với cán bộ giảng viên để tạo những điều kiện thuận lợi cho sự cống hiến của đội ngũ này.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu: Đi đôi với công tác giảng dạy và học tập, các hoạt động liên quan đến người học luôn được trường quan tâm sâu sát, được tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đã đạt được những kết quả tốt.

Trường luôn kịp thời cung cấp đầy đủ các văn bản quản lý của Nhà nước, các quy định và các thông báo của trường đến từng học sinh, sinh viên, giúp cho học sinh, sinh viên hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra, đánh giá người học. Học sinh, sinh viên được học tập và hiểu biết để tôn trọng các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Học sinh, sinh viên luôn được giải thích để hiểu rõ và hưởng thụ đầy đủ các quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước. Được chăm sóc sức khỏe theo đúng quy định của y tế học đường và được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học.

Người học được tham gia vào các hoạt động của Đoàn, Hội và có môi trường tốt để phấn đấu, tu dưỡng và rèn luyện phấn đấu vào Đảng.

Trường đã thực hiện việc khảo sát các sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, các đơn vị sử dụng lao động để thấy được nhu cầu và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Từ nhiều năm qua, thông qua các tờ rơi, các buổi tư vấn trực tiếp tại các địa phương, các nội dung đăng tải trên website của trường, trường đã hết sức quan tâm đến việc tổ chức tuyên truyền và tư vấn cho học sinh phổ thông thông những thông tin về trường, về ngành, chuyên ngành đào tạo, về chương trình đào tạo, đào tạo liên thông, về việc giới thiệu việc làm khi học sinh, sinh viên ra trường. Qua đó giúp học sinh, sinh viên nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về trường [H6.06.01.01].

Vào đầu năm học, trường thường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân cho toàn thể học sinh, sinh viên hệ cao đẳng, trung cấp chính quy. Trong tuần lễ sinh hoạt này, sinh viên được trường phát cho từng học sinh, sinh viên một cuốn “Sổ tay học sinh, sinh viên” nhằm giới thiệu về trường, về mục tiêu đào tạo, ngành, chuyên ngành của trường, các văn bản pháp quy các quy chế, thông tư của Bộ, các quy định, hướng dẫn của trường như: quy chế đào tạo và quy chế điểm rèn luyện của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; các văn bản quy định của trường; văn bản cụ thể hóa của trường và triển khai thực hiện quy định một cách có hiệu quả [H6.06.01.02]; quy định về quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học tập của học sinh, sinh viên [H6.06.01.03]. Ngoài hệ thống bảng thông báo cho học sinh, sinh viên tại trường, mỗi học sinh, sinh viên còn nhận được nhiều thông tin từ website của trường.

Định kỳ từng quý và từng học kỳ, trường tổ chức họp các ban cán sự và bí thư, phó bí thư chi đoàn các lớp. Tại các cuộc họp này có đại diện Ban Giám hiệu, Bí thư đoàn trường, đại diện phòng Đào tạo nhằm phổ biến những quy định, quy chế, chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên, giải đáp thắc mắc, kiến nghị và nhận những thông tin phản hồi từ đại diện của người học [H6.06.01.04].

Do được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về mục tiêu, chương trình, chế độ chính sách, các yêu cầu về học tập, kiểm tra, đánh giá, đã giúp cho người học hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình nên số học sinh, sinh viên vi phạm kỷ luật về học tập trong các năm qua không đáng kể.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, quy định, thông báo của trường đến từng người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá người học; đã thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan khác đến người học và trường đã cung cấp email cho từng học sinh, sinh viên đang học tại trường để nhận và phản hồi thông tin trong trường.

3. Những tồn tại:

Việc sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho người học còn ở mức độ hạn chế, còn có những thông tin chưa được cập nhật kịp thời, chưa phong phú.

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên còn yếu.

4. Kế hoạch hành động:

Đẩy mạnh triển khai các kênh thông tin đến người học, hằng năm duy trì việc cung cấp Email cho từng học sinh, sinh viên để nhận và phản hồi thông tin trong trường.

Từ năm 2012 thường xuyên cải tiến, bổ sung nội dung thông tin cần thiết vào "Sổ tay học sinh, sinh viên" và website trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học; được tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác.

1. Mô tả:

Ngay từ đầu khóa học, trường tổ chức phổ biến đến toàn thể học sinh, sinh viên của trường hiểu biết đầy đủ các văn bản của Chính phủ, của các Bộ về học bổng và các chế độ, chính sách có liên quan đến người học, [H6.06.02.01]. Đồng thời, người học được trường hướng dẫn rõ ràng cụ thể cách làm các hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của Nhà nước, [H6.06.02.02].

Hàng năm, trường đều xét duyệt các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí, xét trợ cấp xã hội, xét trợ cấp đột xuất; căn cứ kết quả xếp loại học sinh, sinh viên về học tập, rèn luyện xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập. Trường nhanh chóng và tạo mọi điều kiện trong việc xác nhận người học và hoàn thành các thủ tục lên quan tới chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên [H6.06.02.03].

Để tạo điều kiện tốt nhất và hỗ trợ cho người học an tâm trong quá trình học tập, trường có 1 biên chế cán bộ y tế trường và công tác y tế được trường chú trọng, đã phân công bộ phận y tế tổ chức kiểm tra, giám sát sức khỏe của người học. Y tế của trường đã phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế tổ chức khám sức khỏe và lập hồ sơ y bạ cho tất cả sinh viên của trường theo quy định hiện hành, thường xuyên chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, sinh viên, giới thiệu đi bệnh viện điều trị các ca bệnh. Ngoài ra, trường còn thực hiện thường xuyên hằng năm công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho học sinh, sinh viên mới vào trường nhằm đảm bảo quyền lợi cho học sinh, sinh viên [H6.06.02.04].

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được trường tổ chức đều đặn định kỳ, hằng năm như: Hội thi tiếng hát học sinh, sinh viên, Hội diễn văn nghệ, các giải thi đấu thể thao [H6.06.02.05]. Với sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư về kinh phí, các hoạt động này được tổ chức thường xuyên từ cấp khoa đến cấp trường và đã thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia.

Để đảm bảo công tác an ninh trật tự, trường chủ động phối hợp với công an và chính quyền địa phương nhằm phối hợp trong công tác chính trị, an ninh trật tự xã hội trong trường học, quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên nội trú và ngoại trú [H6.06.02.06].

Bên cạnh việc không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo, trường có quan tâm đến công tác định hướng nghề nghiệp qua sinh hoạt tuần công dân [H6.06.03.05], đối thoại giữa trường với đại diện học sinh, sinh viên, tổ chức khảo sát học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp ra trường; khảo sát các cơ quan, đơn vị có sử dụng lao động do trường đào tạo [H6.06.01.06]. Ngoài ra, trường đã bước đầu thực hiện công tác giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên thông qua nhu cầu tuyển dụng đăng ký từ các đơn vị, doanh nghiệp [H6.06.02.07].

2. Những điểm mạnh:

Học sinh, sinh viên được đảm bảo hưởng mọi chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước một cách kịp thời. Trường thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ học sinh, sinh viên về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong học sinh, sinh viên. Đồng thời, trường có những quy định quản lý nhằm đảm bảo an toàn cho người học trong phạm vi trường yên tâm học tập.

Học sinh, sinh viên luôn thể hiện ý thức chấp hành tốt các quy chế, quy định của trường, chủ động, tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

3. Những tồn tại:

Cơ sở vật chất còn thiếu ảnh hưởng đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của học sinh, sinh viên.

Trường chưa có trạm y tế riêng, biên chế cán bộ y tế thiếu ảnh hưởng đến việc chăm sóc sức khỏe trong trường.

Chưa có kế hoạch cụ thể và chưa có bộ phận chuyên trách làm công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

4. Kế hoạch hành động:

Đẩy nhanh đề án xây dựng cơ sở vật chất chung của trường, đồng thời chủ động sắp xếp và kiến nghị xây dựng trạm y tế theo tiêu chuẩn Nhà nước quy định.

Đẩy mạnh hơn nữa việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Người học được phổ biến giáo dục về chính sách, chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, Đoàn thể.

1. Mô tả:

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo toàn diện cho người học, bên cạnh quá trình nâng cao chất lượng dạy và học, trường đã chú trọng giáo dục học sinh, sinh viên tìm hiểu và tôn trọng luật pháp, nắm vững và có ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thông qua kênh thông tin của các báo, tạp chí mà trường đã đặt mua [H6.06.03.01]. Ngoài ra, hằng tháng trường ra một bản tin học sinh, sinh viên, để thông qua đó định hướng tư tưởng, nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên [H6.06.03.02].

Theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đã thực hiện đầy đủ các báo cáo số liệu về công tác học sinh, sinh viên trên tất cả các mặt: giáo dục chính trị tư tưởng, về thực hiện chế độ, chính sách xã hội, học tập và rèn luyện, sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên [H6.06.03.03].

Để tiến hành nghiêm túc công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội, trường đã thành lập Ban chỉ đạo và đề ra chương trình các hoạt động về phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và thực hiện an toàn giao thông [H6.06.03.04].

Trong công tác giáo dục rèn luyện tư tưởng, đạo đức và lối sống của thanh niên, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức trong việc tổ chức các hoạt động, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của học sinh, sinh viên [H6.06.03.05].

Hàng năm, vào đầu khóa học, đầu năm học, trường tổ chức đợt “Tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên” cho toàn thể học sinh, sinh viên trong trường với nội dung chương trình liên quan về giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, đạo đức lối sống [H6.06.03.05]; kết thúc đợt học, toàn thể học sinh, sinh viên phải làm bài thu hoạch.. công tác giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên gắn với công tác giáo dục của trường thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa và các hình thức khác như: tuyên truyền trên các băng rôn, trang web của trường, bản tin học sinh, sinh viên của trường.

Trường luôn quan tâm đến công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, căn cứ vào Quy chế số 42/2002/QĐ-BGD-ĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 21/10/2002, trường đã ban hành quy định cụ thể hóa về việc đánh giá rèn luyện học sinh, sinh viên và được tổ chức thực hiện từ năm học 2002-2003 cho toàn thể học sinh, sinh viên hệ chính quy. Trường thành lập Hội đồng đánh giá rèn luyện học sinh, sinh viên cấp trường, ban hành văn bản về nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên chủ nhiệm, văn bản hướng dẫn thực hiện đánh giá rèn luyện, thực hiện sổ chủ nhiệm để góp phần quản lý chặt chẽ học sinh, sinh viên [H6.06.03.06].

Hàng năm, trường thực hiện khen thưởng cán bộ Đoàn và học sinh, sinh viên về tinh thần trách nhiệm trong học tập, công tác. Ngoài ra, một số học sinh, sinh viên được các cấp Đoàn, Hội khen thưởng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và công tác xã hội [H6.06.03.07]. Trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi nhằm lắng nghe ý kiến của học sinh, sinh viên về hoạt động đào tạo của trường [H6.06.03.08], từ đó trường có ý kiến chỉ đạo điều chỉnh các hoạt động quản lý phù hợp.

Trong nhiều năm qua, Chi bộ công tác học sinh, sinh viên đã phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, bồi dưỡng và phát triển nhiều đảng viên mới từ học sinh, sinh viên và là môi trường rèn luyện tốt cho đảng viên học sinh, sinh viên. Chi bộ phụ trách khối học sinh, sinh viên đã làm tốt công tác tạo nguồn và công tác phát triển Đảng trong khối học sinh, sinh viên. Chi bộ phụ trách khối học sinh, sinh viên sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần với nhiều nội dung phong phú như: sinh hoạt các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội; công nhận đối tượng đảng; phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ các đoàn viên ưu tú do Đoàn thanh niên giới thiệu để làm công tác phát triển Đảng; kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; hằng tháng mỗi Đảng viên trong chi bộ tự giác đăng ký những việc làm cụ thể theo tấm gương Bác Hồ. Trong nhiều năm qua, Chi bộ phụ trách khối học sinh, sinh viên được công nhận là Chi bộ “Trong sạch, vững mạnh” [H6.06.03.09].

2. Những điểm mạnh:

Trường luôn luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất để học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Qua đó dễ dàng tiếp cận với tổ chức Đảng trong trường và có điều kiện tốt để phấn đấu đứng vào đội ngũ Đảng viên của trường.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá rèn luyện học sinh, sinh viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đại đa số học sinh, sinh viên trường có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm. Các hoạt động phong trào và công tác xã hội của học sinh, sinh viên được thể hiện với tinh thần trách nhiệm cao; có ý thức hơn trong sinh hoạt, học tập và hoạt động cộng đồng; trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh; tự giác tham gia các phong trào do trường, các đoàn thể phát động và đạt được những thành tích nhất định.

3. Những tồn tại:

Vẫn còn có những học sinh, sinh viên vi phạm quy chế. Các hoạt động giáo dục truyền thống chưa thật sự đi vào chiều sâu và chưa liên tục.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, trường tiếp tục nghiên cứu, cải tiến nội dung, hình thức và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên.

Tiếp tục duy trì và cải tiến hoạt động của các tổ chức đoàn thể hướng đến mục tiêu vì người học; phối hợp có hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể với các đơn vị chức năng trong trường, ngoài trường; tạo điều kiện cho người học có môi trường học tập, sinh hoạt và rèn luyện tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; có kết quả điều tra về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Mục tiêu trọng tâm được trường đặt ra là hoạt động đào tạo phải đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động. Vì vậy, trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học với các giải pháp tương đối đồng bộ [H6.06.04.01].

Trong năm học 2013-2014, trường đã chỉ đạo việc điều tra số học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường, nhằm thu thập thông tin về tình trạng học sinh, sinh viên đã ra trường tham gia vào thị trường lao động (việc làm); đồng thời thông qua đó, trường có thể đánh giá chất lượng đào tạo, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy, học để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội [H6.06.04.02].

Song song với việc khảo sát học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường, trường sẽ tiến hành khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động để qua đó kiểm định lại kết quả đào tạo của trường đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của đơn vị sử dụng lao động hay không [H6.06.04.03].

Thông qua việc khảo sát điều tra định kỳ về việc làm của học sinh, sinh viên tốt nghiệp, trường hy vọng tiếp nhận được nhiều ý kiến đóng góp xây dựng bổ ích của sinh viên về mục tiêu đào tạo và nguyện vọng mong muốn được trở lại trường để tiếp tục học tập các bậc học cao hơn. Bên cạnh đó, trường cũng đã tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động về kiến thức và kỹ năng của sinh viên qua đó đánh giá nhu cầu của nhà tuyển dụng và đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội.

2. Những điểm mạnh:

Học sinh, sinh viên của trường đào tạo sau khi ra trường về cơ bản kiến thức phù hợp và đáp ứng được phần nào công việc mà học sinh, sinh viên thực hiện trong thời gian thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp.

Các đơn vị sử dụng đánh giá cao về sản phẩm của trường đào tạo và đã có nhiều cơ quan, đơn vị đến trường trực tiếp phỏng vấn và tiếp nhận học sinh, sinh viên ngay sau khi ra trường.

3. Những tồn tại:

Đây là hoạt động còn mới mẻ đối với trường, thiếu các giải pháp thiết thực, hiệu quả trong việc đánh giá học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp và nhu cầu xã hội.

Hoạt động khảo sát, điều tra học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường mới thực hiện bước đầu, chưa thực hiện tốt việc gắn kết giữa công tác đào tạo trong trường với thực tiễn nên việc đánh giá còn sơ khai, kết quả đánh giá chưa thuyết phục.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014, trường sẽ thường xuyên thực hiện việc khảo sát học sinh, sinh viên và các nhà tuyển dụng theo kế hoạch để lấy ý kiến phản hồi và đánh giá đúng hơn về chất lượng đào tạo của trường.

Xây dựng kế hoạch dài hạn và quy chế cụ thể nhằm đánh giá học sinh, sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã có những biện pháp cụ thể giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá cũng như hiểu được các quy định của Nhà nước về quyền lợi, nghĩa vụ của học sinh, sinh viên. Trường luôn đảm bảo được các chế độ, chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho công tác văn hóa, văn nghệ; thể dục thể thao trong học sinh, sinh viên.

Trường kịp thời động viên và tuyên dương, khen thưởng các học sinh, sinh viên, Đoàn viên gương mẫu và đạt thành tích xuất sắc trong học tập cũng như trong hoạt động phong trào. Trường sẽ chủ động thực hiện việc tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên đang học tại trường.

Trong những năm gần đây, Đảng bộ trường luôn quan tâm đến việc phát triển Đảng viên mới trong học sinh, sinh viên, đã kết nạp được nhiều đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Bên cạnh những vấn đề đã làm được, trường cũng còn một số hạn chế, đó là quá trình thực hiện thu thập thông tin từ người sử dụng lao động, từ đơn vị sử dụng lao động có tiến hành nhưng hiệu quả chưa đạt yêu cầu như mong muốn. Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới, trường sẽ đa dạng hóa các kênh thông tin nhằm thu thập nhiều hơn nữa các thông tin về học sinh, sinh viên của trường sau khi ra trường, thông tin phản ánh từ các đơn vị, các doanh nghiệp sử dụng lao động để trường có những thông tin đầy

đủ hơn phục vụ cho các quyết định, nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo của trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu: Tổ chức cho cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của trường, để thực hiện tốt nhiệm vụ, trường phải thành lập các hội đồng trong đó có hội đồng khoa học và đào tạo nhằm tư vấn cho hiệu trưởng triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trên cơ sở hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm từng bước nâng cao nghiệp vụ và trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, hoạt động nghiên cứu phải bám sát nhiệm vụ trọng tâm của trường theo các chuyên ngành đào tạo và kết quả nghiên cứu phải mang tính khả thi và ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Để có thể thực hiện tốt các yêu cầu trên, trường đã xây dựng kế hoạch và có các chính sách cụ thể nhằm động viên cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu.

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong trường được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động được nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật và con người), được đánh giá bằng số lượng và chất lượng các công trình công bố hoặc ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường Cao đẳng

1. Mô tả:

Trường chưa thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế mà bộ phận phụ trách nghiên cứu khoa học thuộc phòng Đào tạo, thực hiện việc xây dựng và triển khai các kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng những văn bản hướng dẫn, kế hoạch, quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của các cấp quản lý khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các kế hoạch, quy định hoạt động khoa học và công nghệ của trường. [H7.07.01.01].

Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức phối hợp triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, các đề tài nghiên cứu khoa học và kiểm tra đôn đốc các đơn vị, cá nhân trong trường trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và thực hiện đúng tiến độ các đề tài, dự án,... Trên cơ sở các thông báo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học Công nghệ, trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai hoạt động khoa học và công nghệ, đồng thời xây dựng các kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cho nửa năm tiếp theo hoặc năm tới theo quy trình:

- Các văn bản của các cấp quản lý khoa học và công nghệ được trường thông báo rộng rãi đến các đơn vị, đến các khoa thông qua đường văn thư, đưa lên trang web hoặc gửi qua email,.. [H7.07.01.02].

- Các cá nhân và đơn vị trong trường gửi các đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học đến phòng Đào tạo của trường.

- Phòng Đào tạo tập hợp đề xuất của các cá nhân và đơn vị trong trường, phân loại theo các nhóm ngành, đề xuất danh sách các Hội đồng khoa học công nghệ, tư vấn xác định nhiệm vụ, soạn thảo quyết định thành lập các hội đồng khoa học trình Ban Giám hiệu phê duyệt, tổ chức họp các hội đồng này. [H7.07.01.03].

Hàng năm trường đều tổ chức các cuộc họp chuyên đề để kiểm điểm, đánh giá các hoạt động khoa học và công nghệ và hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời trao đổi thông tin, thông báo các kết quả nghiên cứu và tổng kết, định hướng nghiên cứu khoa học các năm tiếp theo.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã xác định tầm quan trọng của hoạt động khoa học công nghệ trong việc thực hiện nhiệm vụ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, có chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong từng năm đều xây dựng kế hoạch định hướng cho công tác nghiên cứu khoa học.

Luôn chủ động triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng những văn bản hướng dẫn, kế hoạch, quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của các cấp quản lý khoa học và công nghệ một cách có hiệu quả cao.

Trong quá trình triển khai và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, trường định kỳ sửa đổi các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ cho phù hợp với thực tiễn và tuân theo các quy chế, chế độ chính sách của Nhà nước và của các Bộ, ngành liên quan.

3. Những tồn tại:

Việc triển khai nghiên cứu chưa sâu rộng đến học sinh, sinh viên.

Số lượng đề tài nghiên cứu chưa nhiều, chỉ tập trung ở một số bộ phận .

Thiếu các chuyên gia đầu ngành trong nghiên cứu khoa học; chưa có cơ chế khuyến khích nghiên cứu khoa học và chưa có quy hoạch lâu dài về đội ngũ cán bộ.

4. Kế hoạch hành động:

Rà soát lại quy định về hoạt động khoa học công nghệ của trường. Trên cơ sở cập nhật những văn bản pháp quy về khoa học công nghệ, chỉnh sửa, hoàn thiện quy định

hoạt động khoa học công nghệ của trường cho phù hợp với chiến lược phát triển của trường và sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Xây dựng quy chế nghiên cứu khoa học cho học sinh, sinh viên.

Thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế trong năm học 2013-2014.

Thực hiện các chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chiến lược phát triển nguồn tài chính và tiền lương để có:

Kế hoạch bồi dưỡng nhân tài, bồi dưỡng chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của trường;

Cơ chế đãi ngộ thỏa đáng, động viên khuyến khích những cán bộ khoa học có nhiều cống hiến, đóng góp cho sự nghiệp phát triển của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2: Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

1. Mô tả:

Ban lãnh đạo trường luôn có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Trường đã dành một phần kinh phí nhất định trên tổng kinh phí của trường hàng năm để khuyến khích cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể tại quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Trường đã ban hành quy định về công tác nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh [H7.07.02.01].

Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, song song với các đề tài nghiên cứu còn có các sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ, giảng viên hiện đang áp dụng, được hội đồng khoa học thông qua hằng năm do trường thực hiện luôn được hoàn thành và được nghiệm thu [H7.07.02.02]. Số lượng các đề tài khoa học của trường trong những năm gần đây:

Năm	2010	2011	2012
Đề tài cấp trường	07	08	24

2. Những điểm mạnh:

Trường luôn có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cán bộ, giảng viên của trường tham gia khá tích cực và bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định.

3. Những tồn tại:

Được nâng cấp thành trường cao đẳng từ một trường trung cấp cách đây hơn 4 năm, đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao chưa nhiều nên công tác nghiên cứu khoa học chủ yếu mới tập trung vào biên soạn giáo trình, tài liệu,... phục vụ giảng dạy và học tập.

Chưa tổ chức thực hiện được nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013, trường có kế hoạch khuyến khích tăng số lượng đề tài nghiên cứu cấp cơ sở để có nhiều giảng viên tham gia, từng bước chú trọng các đề tài nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các phương pháp cải tiến giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Trường xây dựng quy định nhằm tăng cường vai trò, chức năng, quyền hạn của Hội đồng khoa học và đào tạo để làm tốt công tác tư vấn đăng ký đề tài, xác định mục tiêu, chiến lược, định hướng... cho các hoạt động khoa học và công nghệ của trường.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên thiết thực hơn; khuyến khích giảng viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn phải quan tâm đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3: Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương

1. Mô tả:

Để nâng cao chất lượng đào tạo của trường, một trong những biện pháp chính là thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong trường. Hằng năm, các cá nhân, đơn vị trong trường đã thực hiện được nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, cụ thể là các chương trình môn học, giáo trình, bài tập môn học, tài liệu thực hành, đề cương chi tiết học phần [H7.07.03.01],... Một số đề tài được áp dụng trực tiếp trong đào tạo được đánh giá cao như: thiết kế website quản lý học tập, chiến lược marketing nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh và quảng bá hình ảnh của trường năm 2011 và giai đoạn 2012-2015, xây dựng chương trình học trực tuyến cho học sinh, sinh viên [H7.07.03.02]. Có một số các đề tài nghiên cứu khoa học không những được ứng dụng vào trong công tác đào tạo của trường mà còn được mang lại hiệu quả kinh tế cao như: thay thế thiết bị cảm biến ngoại nhập bằng thiết bị cảm biến nội địa (dùng cho xe thi sát hạch trong hình).

2. Những điểm mạnh:

Tuy là một trường cao đẳng có đội ngũ cán bộ khoa học không nhiều, nhưng trường đã huy động được cán bộ, giảng viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để có các kết quả ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học của trường.

Trường đã dành nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học cho các đề tài cấp cơ sở để tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học và đào tạo trường nghiệm thu đánh giá tốt, mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp cho giảng dạy, đào tạo.

3. Những tồn tại:

Đề tài nghiên cứu liên quan đến nội dung giảng dạy đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ cho công tác quản lý đào tạo còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học tới, tiếp tục mở rộng nghiên cứu các đề tài ứng dụng trực tiếp phục vụ công tác quản lý, đào tạo trong trường và phục vụ cho nhu cầu xã hội.

Có chính sách cụ thể để khuyến khích, động viên cán bộ, viên chức trường tập trung khả năng, trí tuệ cho công tác nghiên cứu khoa học; đồng thời đưa ra biện pháp chế tài cụ thể nhằm đảm bảo công tác nghiên cứu khoa học trong trường thực hiện đúng tiến độ kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp san, ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

1. Mô tả:

Sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng, trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt, trường đã tập trung tổ chức biên soạn đề cương chi tiết của 100% các môn học, học phần; đến nay trường đã có hệ thống giáo trình tương đối đầy đủ, bên cạnh đó còn biên soạn được hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận cũng như bài tập trắc nghiệm. Số lượng giảng viên tham gia viết các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác đào tạo của trường như giáo trình, chương trình môn học, bài tập môn học, tài liệu thực hành,... tăng lên hằng năm [H7.07.04.01]. Đây là sự nỗ lực rất lớn của tập thể cán bộ, giảng viên trường; góp phần đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong trường. Bên cạnh đó, trường cũng động viên kịp thời cả về vật chất lẫn tinh thần cho các cán bộ, giảng viên có bài viết được đăng tải trên các tạp san, các tạp chí, các ấn phẩm khoa học cũng như các kỷ yếu khoa học. Vì vậy, số lượng cán bộ tham gia mảng hoạt động này ngày càng nhiều hơn, chất lượng của các công trình nghiên cứu cũng ngày một

nâng cao hơn. Nhiều cán bộ khoa học trẻ trong trường đã chuẩn bị cho kế hoạch dài hơi của họ từ các bài báo khoa học đăng tải trên các tạp san chuyên ngành để trở thành nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

2. Những điểm mạnh:

Đã có các bài viết được đăng trong các tạp chí trong nước và ngoài nước.

Giảng viên lên lớp đều biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng đầy đủ.

3. Những tồn tại:

Do đội ngũ cán bộ, giảng viên có kinh nghiệm chưa nhiều nên số lượng bài viết trên các tạp chí còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ thành lập phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế với nhiệm vụ là đầu mối tổ chức dự báo, xây dựng phương hướng chiến lược khoa học công nghệ của trường;

Trong thời gian tới, có thể động viên đội ngũ cán bộ khoa học hoạt động tích cực hơn ở mảng công tác này bằng cách định hướng giảng viên viết các bài báo khoa học và hội thảo để thay thế cho việc làm đề tài nghiên cứu khoa học

5. Tự đánh giá: Không đánh giá

Tiêu chí 7.5: Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của nhà trường.

1. Mô tả:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh luôn gắn với đào tạo. Các đề tài khoa học công nghệ, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm... đều nảy sinh từ nhu cầu của hoạt động đào tạo nhằm giải quyết các vấn đề của đào tạo. Đây là chủ trương của trường thể hiện trong kế hoạch khoa học công nghệ hằng năm và được triển khai thực hiện nghiêm túc [H7.07.05.01]. Trong thời gian qua trường chưa có được các hoạt động quan hệ quốc tế từ các chương trình dự án, vì vậy chưa có lợi ích.

2. Những điểm mạnh:

Các đề tài nghiên cứu khoa học đã gắn kết nghiên cứu với đào tạo, phục vụ đào tạo.

Trong công tác thông tin khoa học công nghệ, trường đã có trang web với chất lượng ngày càng được nâng cao.

3. Những tồn tại:

Chưa phát huy được hoạt động nghiên cứu khoa học trong học sinh, sinh viên.

Có quá ít các hoạt động về quan hệ quốc tế, từ đó chưa có đóng góp nhiều vào việc phát triển nguồn lực của trường.

Liên kết khoa học công nghệ với các đối tác nước ngoài chưa có.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục tổ chức nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các cấp trong trường, từng bước tìm kiếm đối tác, xây dựng kế hoạch để triển khai các hoạt động về quan hệ quốc tế.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong trường được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động được nguồn lực (tài chính và con người), triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ chủ động và có hiệu quả, trường cũng đã triển khai các hoạt động khoa học và phát triển công nghệ với các đơn vị sản xuất, ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường nhưng chưa nhiều, số các bài báo chuyên ngành đăng trên các tạp chí còn ít. Trường đang triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học công nghệ với mục tiêu giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và sản xuất về nhiều lĩnh vực của ngành và xã hội.

Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có 03 địa điểm, cơ sở 1 ở số 252 đường Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, cơ sở 2 tại số 8, đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12 và cơ sở 3 tại số 256 đường Dương Đình Hội, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9.

Thư viện trường có hàng ngàn tài liệu, sách báo, tạp chí để tham khảo và học tập, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo theo quy định; trong đó nổi bật là các tài liệu để phục vụ chuyên ngành. Hệ thống các phòng học, giảng đường cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Trường có đủ các thiết bị phục vụ cho yêu cầu giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học; sắp xếp đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên; hệ thống máy tính được kết nối mạng nội bộ và Internet; hệ thống máy chủ tốt, sử dụng đường truyền ADSL nhanh, mạnh. Trường có 01 ký túc xá dành cho sinh viên nội trú tại cơ sở 2 đã đảm nhận tốt công tác nội trú cho sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí, để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo theo quy định. Tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học

1. Mô tả:

Thư viện Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có diện tích sử dụng 174m². Tổng số đầu sách theo chuyên ngành cho đến hiện nay của thư viện là 8000 đầu sách và 40 loại báo, tạp chí; đạt bình quân 1500 đầu sách cho một chuyên ngành đào tạo. Các công đoạn trong quản lý thư viện, phục vụ học sinh, sinh viên đã được tin học hóa đáp ứng nhu cầu đọc ngày càng cao [H8.08.01.01]. Thư viện hiện có 10 máy tính được nối mạng internet để quản lý sách, tra cứu tài liệu. Thời gian phục vụ được bố trí liên tục từ thứ hai đến thứ sáu hằng tuần, sáng từ 7g30-11g15, chiều từ 13g30-16g30 [H8.08.01.02].

Thư viện của trường thường xuyên bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo,... theo yêu cầu của các đơn vị trong trường.

2. Những điểm mạnh:

Thư viện Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh tương đối phong phú về chủng loại nhất là sách, tạp chí thuộc chuyên ngành giao thông vận tải.

Thư viện của trường đáp ứng khá tốt nhu cầu của công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại:

Do trường có 3 cơ sở giảng dạy, thư viện trường chỉ tập trung tại cơ sở 1, trong khi đó tại cơ sở 2 và 3 chỉ mới thành lập phòng đọc sách, báo cho học sinh, sinh viên, tuy nhiên số lượng đầu sách tại các phòng đọc này còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2013, trường nâng cấp các phòng đọc tại cơ sở 2 và 3 lên thành thư viện, tăng cường thêm các đầu sách cho phù hợp với từng chuyên ngành giảng dạy của các khoa tại mỗi cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2. Phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị của trường

1. Mô tả:

Trong chương trình đào tạo các ngành của trường, mục tiêu đào tạo, ngoài mục tiêu kiến thức học sinh, sinh viên cần đạt mục tiêu về kỹ năng, thái độ để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập, trường đã không ngừng đầu tư xây dựng giảng đường, phòng thực hành. Đến nay trường đã có hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành tương đối khang trang cùng với trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Để quản lý và sử dụng hiệu quả diện tích phòng học, các trang thiết bị đã được đầu tư, trường đã ban hành nội quy học sinh, sinh viên, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy phòng máy tính, nội quy xưởng thực tập [H8.08.02.01].

Trong những năm qua, trường rất chú trọng đầu tư trang thiết bị thực hành và giảng dạy, hiện trường có: 02 phòng thí nghiệm lý, hóa; 56 phòng học với tổng diện tích là 3509 m² thoáng mát được trang bị đầy đủ đèn chiếu sáng, quạt, máy chiếu; 12 phòng máy vi tính, với số lượng máy tính là 409 máy; xưởng thực tập cơ khí, sửa chữa ô tô với diện tích là 2280 m²; 01 phòng thực tập điện công nghiệp, 01 phòng thực tập điện dân dụng, 01 phòng thực tập điện tử, 01 phòng thực tập điện lạnh với tổng diện tích là 646,8 m²; 01 phòng thí nghiệm xây dựng [H8.08.02.02].

2. Những điểm mạnh:

Trường có các phòng học, phòng thực hành, cơ sở thực hành và các phòng chuyên ngành, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, phục vụ tốt cho công tác tổ chức thực hành, thực tập cho sinh viên. Trường có các thiết bị đa dạng, đáp ứng đủ cho yêu cầu giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại:

Số lượng và diện tích phòng học phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập còn thiếu; thực tế trường vẫn còn sử dụng một vài phòng học đã bị xuống cấp để giảng dạy một số môn học nên ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo của trường.

Công tác bảo trì, bảo quản đánh giá thẩm định trang thiết bị chưa thật tốt; công tác thông tin tuyên truyền về ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài sản trong toàn trường còn yếu. Các biện pháp xử phạt do sai phạm về quy trình cũng chưa được xử lý cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2013-2014, đẩy mạnh việc thực hiện đề án phát triển trường, trong đó việc mở rộng xây dựng thêm các phòng đáp ứng được tốt theo yêu cầu của chương trình học.

Thường xuyên báo cáo mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thực hành trên cơ sở số phòng hiện có và số lượng học sinh, sinh viên cũng như dự kiến kế hoạch đào tạo để bố trí phục vụ tốt việc sử dụng phòng học, phòng thực hành.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3. Có đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả:

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và làm việc của cán bộ, giảng viên, trường luôn đầu tư xây dựng mới, nâng cấp nơi làm việc của các phòng, khoa, trung tâm. Diện tích, số lượng phòng làm việc đã được tăng lên; cụ thể [H8.08.03.01]:

TT	Nội dung	2009	2010	2011	2012
1	Số phòng làm việc	42	42	42	64
2	Diện tích phòng làm việc (m ²)	1369,5	1369,5	1369,5	1868,7
3	Số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên	170	175	204	223

Hiện nay, với diện tích và số lượng phòng làm việc trong trường đủ cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu làm việc. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, làm việc như máy vi tính, điện thoại, bàn làm việc tủ đựng hồ sơ tài liệu, máy photo, máy lạnh... [H8.08.03.02]

2. Những điểm mạnh:

Phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên trường tương đối hiện đại và khang trang; đáp ứng tốt cho nhu cầu làm việc, nghiên cứu và hoạt động của trường.

3. Những tồn tại:

Nội thất và trang thiết bị do mua sắm nhiều đợt khác nhau nên không đồng bộ về mẫu mã, kiểu dáng, giá trị sử dụng.

Chưa có quy định cụ thể về định mức diện tích làm việc cho cán bộ viên chức, giảng viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2013, tiếp tục đề án xây dựng mới phòng làm việc cho cán bộ viên chức, giảng viên theo từng giai đoạn phát triển của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.4. Có phòng máy tính được nối mạng; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin.

1. Mô tả:

Hiện nay, toàn trường có 12 phòng máy với 409 máy vi tính. Hệ thống máy tính được kết nối mạng nội bộ và Internet [H8.08.04.01]. Trường có hệ thống máy chủ tốt, sử dụng đường truyền ADSL nhanh, mạnh và thành lập tổ quản trị mạng để kịp thời khắc phục những sự cố của mạng máy tính, đảm bảo cho mạng máy tính của toàn trường hoạt động ổn định và quản lý việc khai thác thông tin trên mạng internet đúng mục đích [H8.08.04.02].

Trường đã đề ra nội quy sử dụng phòng máy, giới thiệu về website của trường và hướng dẫn sinh viên truy cập internet [H8.08.04.03].

2. Những điểm mạnh:

Hệ thống máy chủ đảm bảo cho nhu cầu hoạt động của trường, sử dụng đường truyền tương đối ổn định.

3. Những tồn tại:

Thông tin của trường còn chưa được cập nhật thường xuyên trên mạng.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục triển khai phát triển công nghệ thông tin, tăng cường hơn nữa việc sử dụng các phần mềm phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.5. Có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.

1. Mô tả:

Trường có 01 ký túc xá dành cho sinh viên nội trú tại cơ sở 2, có tổng diện tích là 336 m², chia thành 8 phòng với 120 sinh viên, diện tích trung bình là 2.8m²/sinh viên [H8.08.05.01].

Các cơ sở đều có căn tin phục vụ theo hình thức đấu thầu, các căn tin phải tuân thủ các quy định chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm và các điều khoản khác theo yêu cầu của trường [H8.08.05.02]. Sinh viên giữ xe máy, xe đạp có thể mua vé hằng ngày. Giá giữ xe cho sinh viên ở cả 03 cơ sở theo đúng quy định chung của thành phố [H8.08.05.03].

2. Những điểm mạnh:

Trường có ký túc xá và dịch vụ kèm theo để phục vụ cho sinh viên.

3. Những tồn tại:

Diện tích phòng ở tại ký túc xá chưa đạt yêu cầu, chưa đáp ứng đủ nhu cầu ở của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, trường tiếp tục cải thiện điều kiện sinh hoạt cho sinh viên ở ký túc xá.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.6. Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người học theo quy định.

1. Mô tả:

Trường có các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người học. Hệ thống âm thanh, ánh sáng được lắp đặt tại hội trường tương đối đầy đủ để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật cho sinh viên. Trường còn có máy cassette cho sinh viên luyện tập văn nghệ; máy vi tính có đầu ghi để sang đĩa; máy quay phim và máy ảnh kỹ thuật số để quay phim, chụp ảnh tất cả các hoạt động lễ hội, văn hóa, văn nghệ trong trường, phục vụ cho phong trào và lưu trữ [H8.08.06.01]. Cơ sở 3 có nhà thi đấu đa năng diện tích xây dựng 988 m², cơ sở 2 có sân bóng đá mini và sân bóng chuyên [H8.08.06.02].

2. Những điểm mạnh:

Trường có các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ người học.

3. Những tồn tại:

Hệ thống âm thanh, ánh sáng không đồng bộ do được mua từ nhiều đợt khác nhau nên chất lượng âm thanh chưa cao.

Sân cơ sở 1 được sử dụng cho nhiều mục đích (giữ xe), không chuyên dùng cho thể dục thể thao.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, trường có kế hoạch mở rộng thêm diện tích, số lượng sân bãi đạt chất lượng phục vụ cho các nhu cầu hoạt động văn hóa thể dục thể thao.

Có kế hoạch nâng cấp tu bổ các sân bãi hiện có (sân bóng đá, bóng chuyên...) đạt tiêu chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.7. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường.

1. Mô tả:

Trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường [H8.08.07.01]. Tất cả các phòng học, xưởng thực hành, khu hành chính, ký túc xá sinh viên đều được sử dụng hết công suất.

2. Những điểm mạnh:

Trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất.

Các dự án khả thi được thành phố duyệt vốn đầu tư và đang tiến hành.

Trường biết khai thác tốt việc tận dụng mặt bằng để phục vụ đào tạo cho sinh viên chính quy và các hệ đào tạo trung, ngắn hạn cho tất cả mọi đối tượng (sáng, chiều, tối).

3. Những tồn tại:

Quy hoạch phát triển cơ sở vật chất còn chậm so với quy mô đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2013 tiếp tục xin ngân sách cải tạo cơ sở 2 để đáp ứng được quy mô đào tạo ngày càng tăng của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.8. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Trường có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, trung đội Tự vệ trường đã được thành lập [H8.08.08.01], đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy và sự chỉ huy trực tiếp của một Phó Hiệu trưởng. Đây là lực lượng trẻ, cơ động có vai trò chính trong các hoạt động giữ gìn trật tự, an toàn, an ninh trong trường; đồng thời phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan quân sự địa phương giữ gìn trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt thế trận an ninh nhân dân. Hằng năm, Ban Chỉ huy quân sự trường tổ chức huấn luyện cho Lực lượng tự vệ theo đúng chương trình quy định [H8.08.08.02]. Được sự hỗ trợ của Ban Chỉ huy quân sự Q.3, trường đã xây dựng được phương án tác chiến bảo vệ cơ quan và tổ chức luyện tập; công việc này được thực hiện hằng năm, có sự kiểm tra, đánh giá của Ban Chỉ huy quân sự Q.3 [H8.08.08.03].

Đội Phòng cháy chữa cháy trường được thành lập theo Pháp lệnh phòng cháy chữa cháy đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của lãnh đạo trường đã được tổ chức luyện tập thường xuyên. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, thang dây, thang tre, câu liêm, bao bố,... được trường mua sắm, bổ sung hằng năm [H8.08.08.04].

Trường đã ký kết giao ước bảo vệ an ninh, an toàn trật tự xã hội với Công an phường 9, quận 3, Công an phường Trung Mỹ Tây, quận 12 và Công an phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9. Liên tục trong nhiều năm qua an ninh, trật tự, an toàn trong trường luôn được đảm bảo, không xảy ra bất cứ vụ việc đáng tiếc nào [H8.08.08.05].

2. Những điểm mạnh:

Lực lượng tự vệ trường hoạt động mạnh, đạt kết quả cao, được khen thưởng liên tục nhiều năm.

Cán bộ, chiến sỹ tham gia đầy đủ, tích cực, có trách nhiệm cao.

Sự phối hợp giữa trường và địa phương trong việc bảo vệ an ninh, an toàn trật tự xã hội được thực hiện theo đúng quy định, thường xuyên và đạt hiệu quả.

3. Những tồn tại:

Sự phối hợp hoạt động giữa Tổ bảo vệ chuyên trách, đội phòng cháy chữa cháy, ký túc xá sinh viên và lực lượng tự vệ chưa được nhịp nhàng, nhất là trong các đợt huấn luyện hằng năm, công tác bảo vệ tài sản chưa thật hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, Ban chỉ huy quân sự trường xúc tiến tổ chức các buổi hướng dẫn, huấn luyện phối hợp giữa trung đội Tự vệ, tổ Bảo vệ, đội phòng cháy chữa cháy trong công tác bảo vệ an toàn, an ninh trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Trong nhiều năm qua, trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã đáp ứng các điều kiện về thư viện phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho giảng viên, cán bộ công nhân viên và học sinh, sinh viên. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học năm sau luôn cao hơn năm trước.

Trường có đầy đủ phòng học, phòng thực hành với đầy đủ máy tính và các trang thiết bị hiện đại đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ của cơ sở vật chất cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; trường tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển trường để tăng thêm diện tích học tập, sinh hoạt vui chơi giải trí; phấn đấu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt của học sinh, sinh viên.

Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị.

Phòng Tài chính - Kế toán là một đơn vị trong trường, có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý, tổ chức sử dụng hiệu quả nguồn tài chính của trường theo đúng pháp luật hiện hành, đảm bảo cho hoạt động của trường ổn định và phát triển.

Tiêu chí 9.1: Có quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu

1. Mô tả: Từ năm 2003, ngay khi được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/1/2002, trường đã tổ chức xây dựng và ban hành quy chế chi

tiêu nội bộ [H9.09.01.01] và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ từ năm 2003 đến nay [H9.09.01.02].

Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện những quy định của trường về các nguồn thu và biện pháp phân phối nguồn thu; chế độ chi tiêu, định mức chi tiêu cụ thể đến từng nội dung hoạt động thường xuyên của trường như chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm và phúc lợi tập thể, định mức chi tiêu cho các hoạt động (giảng dạy, thi cử, thực hành thực tập...), chế độ đi công tác, học tập,... định mức chi tiêu cho hoạt động nghiên cứu khoa học... Từng nội dung quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ được ghi rõ tiêu đề, đánh số thứ tự, đánh số trang để tiện việc tra cứu. Trong từng nội dung chi có thể hiện số văn bản hướng dẫn của nước để dễ tham chiếu. Quy chế chi tiêu nội bộ được in thành quyển, ký duyệt của Hiệu trưởng và phát đến từng đơn vị trong trường, làm căn cứ để từng cán bộ, giảng viên, từng đơn vị thực hiện.

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng và hoàn thiện dựa trên việc cân đối nguồn tài chính và nhu cầu chi tiêu thực tế của trường. Tùy thuộc vào tình hình tài chính hiện tại mà các định mức chi tiêu trong Quy chế chi tiêu nội bộ có thể có hoặc không có, cao hơn hoặc thấp hơn so với mức chi theo văn bản hướng dẫn của nước, và định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ lần sau có thể thay đổi so với định mức trước đó. Hằng năm Quy chế chi tiêu nội bộ đều được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới, căn cứ theo yêu cầu đề xuất của các đơn vị và được thông qua trong hội nghị cán bộ, viên chức của trường [H9.09.01.03].

Công tác quản lý tài chính tại đơn vị thực hiện đúng theo chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu, hạch toán đúng từng nội dung tài khoản, đúng từng nội dung mục chi theo mục lục ngân sách nước. Đơn vị có đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán [H9.09.01.04], báo cáo tài chính [H9.09.01.05], đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí với Kho bạc nước [H9.09.01.06]. Trường đã xây dựng một số quy trình thực hiện công tác quản lý tài chính trong quy chế hoạt động của trường [H9.09.01.07].

2. Những điểm mạnh:

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng nghiêm túc và công phu, ban hành ngay khi trường được giao quyền tự chủ về tài chính năm 2003 đến tháng 10/2012 đã cập nhật sửa đổi tám lần và ngày càng hoàn thiện. Định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện chi tiết, rõ ràng, cụ thể, dễ áp dụng.

Tập thể cán bộ, giảng viên trường có ý thức đóng góp ý kiến xây dựng để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày càng hoàn thiện.

Kế toán viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức tuân thủ chế độ tài chính, kế toán theo quy định của Nhà nước. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, đối chiếu kinh phí với kho bạc rõ ràng, đầy đủ, kịp thời đúng theo quy định của Nhà nước và đúng theo yêu cầu của kho bạc cấp.

3. Những tồn tại:

Quy chế chi tiêu nội bộ chưa bao quát, chưa dự đoán hết các tình huống thu chi hoạt động của trường, vẫn còn một số nội dung chi tiêu chưa được dự trù nên khi phát sinh nhiệm vụ chi lại không có trong quy chế.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ sát thực tế hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của trường

1. Mô tả:

Trường có nguồn thu tài chính tương đối ổn định, nguồn thu chủ yếu là do ngân sách cấp cho hoạt động thường xuyên, hoạt động nghiên cứu khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản... Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ cũng góp phần cải thiện nguồn thu cho nhà trường, nguồn thu dịch vụ tăng từng năm, năm 2009 là 21.830.163.980 đồng; năm 2010 là 23.744.292.828 đồng; năm 2011 là 28.140.588.616 đồng và năm 2012 dự kiến 26.177.240.000 đồng [H9.09.02.01].

Với tinh thần đoàn kết, xây dựng một tập thể vững mạnh cả về phẩm chất đạo đức và năng lực làm việc nên trong 4 năm gần đây công tác tài chính của trường được đảm bảo an toàn, thể hiện qua báo cáo tài chính của năm 2008, 2009, 2010, 2011, đảm bảo chi tiêu đúng chế độ theo quy Bộ Tài chính. Cụ thể: Năm 2009 tổng các nguồn chi của trường là 35.829.626.341 đồng; năm 2010 là 41.301.833.136 đồng và năm 2011 là 50.388.747.615 đồng và năm 2012 dự kiến 63.095.680.000 đồng. Nộp ngân sách (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) năm 2008 là 1.765.484.802 đồng; năm 2009 là 998.212.482 đồng; năm 2010 là 1.459.470.465; năm 2011 là 1.658.649.633 và năm 2012 dự kiến là 1.908.862.000 đồng [H9.09.02.02].

Số lượng, diện tích giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực tập, ký túc xá và khu thể thao; các loại thiết bị đào tạo và thí nghiệm được sử dụng đảm bảo phục vụ có chất lượng các chương trình đào tạo của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy kịp

thời. Trang bị thêm 01 số phòng máy tính, Phòng Lab, các thiết bị nghe nhìn hiện đại, hệ thống phòng thực tập và nghiên cứu khoa học cho khoa Kỹ thuật xây dựng, khoa Cơ khí ô tô, trang bị thêm xe chuyên dụng cho công tác sát hạch lái xe ô tô... với nguồn vốn ngân sách, vốn vay và vốn tích lũy của trường [H9.09.02.03]. Bên cạnh đó, trong năm 2010, 2011 và 2012, được sự chỉ đạo của ban lãnh đạo trường, phòng đã tiến hành sửa chữa cải tạo lại căn tin tại cơ sở 1 và cơ sở 2 tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên có được một nơi ăn uống sạch sẽ thoáng mát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.09.02.04].

Quy định về việc thực hiện một phần khoán tự chủ về tài chính đối với các Trung tâm đào tạo lái xe, Trung tâm đào tạo ngắn hạn, Khoa Giao thông thủy, Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe và Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H9.09.02.05].

2. Những điểm mạnh:

Quy chế chi tiêu nội bộ liên tục được bổ sung hoàn thiện đáp ứng cơ bản nhu cầu hoạt động của trường.

Nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị góp phần giảm khó khăn về tài chính.

3. Những tồn tại:

Trường còn gặp khó khăn trong việc xử lý nguồn ngân sách vào các ngày lễ, ngày tết. Kinh phí trong ngân sách được tăng cường song chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế đơn vị.

Tiếp tục cải tiến và phát huy hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí trong ngân sách và ngoài ngân sách. Các khoản chi phải mang tính trọng điểm trên cơ sở tiết kiệm và đúng quy định.

Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng kế hoạch thu chi ngoài ngân sách một cách hợp lý phù hợp với tình hình kinh tế của địa phương để cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục của trường ngày một tốt hơn.

Bộ phận chủ tài khoản, kế toán thường xuyên tự học nghiệp vụ quản lý tài chính để quản lý được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Thực hiện công khai tài chính để giảng viên, cán bộ, công nhân viên biết và tham gia kiểm tra, giám sát

1. Mô tả:

Trường có tổ chức thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước và của trường [H9.09.03.01]. Các đối tượng chi, định mức chi, nội dung chi đều thể hiện rõ ràng, công khai trong Quy chế chi tiêu nội bộ, tất cả cán bộ, giảng viên trường đều có thể tham gia kiểm tra, giám sát thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ [H9.09.03.02]. Định kỳ phòng Tài chính - Kế toán có báo cáo công khai dự toán thu chi hằng năm [H9.09.03.03], công khai danh mục mua sắm trang thiết bị, tài sản [H9.09.03.04], các khoản chi cho chuyên môn, các mục chi thanh toán cho cá nhân (lương, phụ cấp, thưởng lễ, tết, phép hè,...) tại bảng thông báo của phòng Tài chính - Kế toán [H9.09.03.05].

Thường xuyên báo cáo số liệu thu chi trong hội nghị tổng kết năm học, trước hội nghị cán bộ công nhân, trong các cuộc họp cán bộ chủ chốt [H9.09.03.06]. Tổ chức hội nghị tài chính năm để thông qua dự toán thu và chi hằng năm [H9.09.03.07]. Tổ chức tự kiểm tra tài chính theo chế độ Nhà nước quy định [H9.09.03.08]. Có ban kiểm tra (thành phần có Ban Thanh tra nhân dân, công đoàn và các bộ phận liên quan) để làm rõ nội dung chi tiêu cụ thể khi có yêu cầu của tập thể cán bộ, giảng viên trường [H9.09.03.09].

2. Những điểm mạnh:

Phòng Tài chính - Kế toán thực hiện nội dung công khai tài chính theo đúng quy định của Nhà nước, công khai những nội dung chi tiêu theo yêu cầu của cán bộ, giảng viên trường.

Đã xây dựng các quy trình làm việc minh bạch và công khai, trong đó chú ý đến biện pháp kiểm tra giám sát giữa các cá nhân, giữa các bộ phận liên quan trong quy trình.

3. Những tồn tại:

Chứng từ kế toán cập nhật chưa phản ánh kịp thời kinh phí quản lý của đơn vị; Chưa phản ánh số thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp khi hợp đồng liên kết đào tạo và thu đạo tạo ngắn hạn; Còn tình trạng chi vượt nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

Công tác tuyên truyền giúp các giảng viên, cán bộ và công nhân viên hiểu về nguyên tắc tài chính còn chưa thực sự tốt.

Trường chưa thành lập được Ban kiểm tra để giám sát hoạt động tài chính do đó hoạt động tài chính trong đơn vị đôi khi còn thụ động, chưa chủ động đề ra kế hoạch làm việc cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

Phổ biến các văn bản, các quy định về nguyên tắc tài chính để mọi cán bộ, giảng viên, công nhân viên được đọc, được biết và hiểu về công tác tài chính;

Tiếp tục phát huy dân chủ trong công tác quản lý tài chính. Công khai tài chính theo quy định giúp cán bộ, giảng viên, công nhân viên biết để kiểm tra giám sát.

Tiếp tục chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân hoạt động đúng luật.

Tiếp tục tổ chức thường xuyên công tác tự kiểm tra tài chính trong trường

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị tự chủ về tài chính kể từ năm 2003. Quy chế chi tiêu nội bộ đã được trường xây dựng từ khi được giao quyền tự chủ và thường xuyên được bổ sung, cập nhật cho phù hợp với tình hình hiện tại, trở thành cẩm nang cho tất cả cán bộ, giảng viên trong trường áp dụng thực hiện, tạo sự minh bạch, rõ ràng, công khai, công bằng trong chế độ chi tiêu chung của trường.

Trường luôn tuân thủ đúng các chế độ về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước; có hệ thống báo cáo, sổ sách, chứng từ,... đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Tình hình tài chính của trường hiện nay đang gặp khó khăn về việc cân đối thu chi. Trước hàng loạt các nhu cầu mở rộng và phát triển về cơ sở vật chất, thực hiện thêm nhiệm vụ đào tạo được giao, lộ trình tăng lương liên tục,... Trường đã phải khẩn cấp thực hiện việc giảm chi ở một số các hoạt động, bao gồm cả hoạt động chuyên môn để tránh tình trạng thâm hụt.

Trường đã thực hiện tốt việc công khai tài chính theo quy định. Có chế độ báo cáo thường xuyên hoặc định kỳ, thể hiện số liệu rõ ràng, công khai, minh bạch. Trường xem trọng tính dân chủ trong tập thể. Môi trường sư phạm trong sạch vững mạnh cũng góp phần tạo nên một tập thể liêm khiết, làm nền tảng quan trọng để giám sát, bảo đảm tính trung thực, chính xác của công tác tài chính.

Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

Mở đầu: Trường đã thiết lập mối quan hệ tốt với cơ quan chính quyền, đoàn thể trong địa bàn trường hoạt động nhằm phối hợp giải quyết tốt những công việc phát sinh có liên quan đến địa phương như vấn đề môi trường, an ninh trật tự. Đặc biệt, trường đã phối hợp thực hiện tốt các phong trào chung với các tổ chức đoàn thể như phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; phong trào đền ơn đáp nghĩa; hoạt động xã hội, từ thiện; phong trào hiến máu nhân đạo,...

Tiêu chí 10.1. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng ở địa phương.

1. Mô tả:

Hàng năm, trường đều tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao để chào mừng các ngày lễ, tết cùng với địa phương trên địa bàn nơi trường hoạt động góp phần tạo cho các phong trào đạt được những kết quả tốt nhất [H10.10.01.01].

Nhiều năm qua, giữa trường với các tổ chức thông tin đại chúng đã thiết lập được mối quan hệ gắn kết chặt chẽ: Các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá hình ảnh trường trên báo và truyền hình [H10.10.01.02];

2. Những điểm mạnh:

Do thiết lập được mối quan hệ với địa phương và thường xuyên có những thông tin đại chúng về trường, nên hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển và đồng thời qua đó góp phần quảng bá hình ảnh của trường.

3. Những tồn tại:

Chưa chủ động thiết lập các mối quan hệ với các cơ sở thể dục thể thao để được hỗ trợ thêm về chuyên môn và vật chất đối với hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng kế hoạch, chủ động hơn nữa để thiết lập các mối quan hệ giữa trường với các tổ chức văn hóa, thể dục thể thao để có được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và vật chất cho trường.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hóa - xã hội.

1. Mô tả:

Nhiều năm qua, trường luôn chủ động thiết lập các mối quan hệ tốt với chính quyền và các cơ quan đoàn thể ở địa phương, thể hiện:

Tổ chức thực hiện tốt nội dung ký kết liên tịch giữa trường với cơ quan công an địa phương, phối hợp nhằm tăng cường công tác an ninh, trật tự xã hội [H10.10.02.01].

Trường và tập thể các lớp thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động nhân đạo, hoạt động xã hội khác [H10.10.02.02].

Cùng với hoạt động hiến máu nhân đạo, thanh niên tình nguyện trường đã tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đóng góp quỹ người nghèo, quỹ tình thương, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng [H10.10.02.03]

Tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường tích cực tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do các cơ quan, đoàn thể các cấp ở địa phương tổ chức [H10.10.02.04]

Giúp chính quyền địa phương cùng các đoàn thể về điều kiện vật chất trong điều kiện cho phép của trường.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã thiết lập và có các mối quan hệ tốt với chính quyền, các đoàn thể địa phương để thực hiện các hoạt động văn hóa, xã hội.

3. Hạn chế:

Trường còn chưa thật sự chủ động trong việc thiết lập mối quan hệ với chính quyền và các đoàn thể địa phương để thực hiện các hoạt động văn hóa, xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Xây dựng kế hoạch, chủ động hơn nữa để thiết lập các mối quan hệ giữa trường với chính quyền và các cơ quan đoàn thể ở địa phương để có được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và vật chất nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa, xã hội ngày càng phát triển hơn.

Tự đánh giá: Đạt

Kết luận: Trường đã phối kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan đoàn thể các cấp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục thể thao và các phong trào đền ơn đáp nghĩa, hiến máu nhân đạo. Đồng thời, trường cũng đã giữ vững mối quan hệ với các cơ quan đơn vị để có thể phối hợp thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, gắn việc giảng dạy của trường sát với hoạt động thực tiễn của các cơ quan đơn vị và doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở để trường phấn đấu thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; đảm bảo nội dung chương trình đào tạo của trường ngày càng sát với thực tế hơn.

Trong thời gian tới, trường sẽ tích cực chủ động hơn nữa để hình ảnh của trường ngày càng gắn liền với hoạt động đào tạo của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung; hoàn thành tốt sứ mạng đào tạo và giáo dục được Đảng và Nhà nước giao phó.

IV. KẾT LUẬN TOÀN VĂN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thực hiện nghiêm chỉnh công tác tự đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ. Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm trưởng; lập kế hoạch, quy trình tự đánh giá... Toàn thể cán bộ viên chức của trường tham gia tích cực trong quá trình viết các tiêu chí, thảo luận và rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc.

Trường tự đánh giá trong 10 tiêu chuẩn bao gồm 55 tiêu chí và kết quả tự đánh giá có 52 tiêu chí ở mức độ “Đạt”, 2 tiêu chí “Không đạt” và 1 tiêu chí “Không đánh giá”. Thông qua kết quả tự đánh giá, trường sẽ phát huy những mặt mạnh, khắc phục những tồn tại trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, xây dựng chiến lược phát triển trường từ nay đến năm 2020, có kế hoạch thực hiện nghiêm túc các kế hoạch hành động từng tiêu chí đã đề ra.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Hoàng Hoài Nam

Phụ lục. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Mã trường:

CGT

Tên trường:

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

Khối ngành:

Ngày tự đánh giá:

Các mức đánh giá:

Đ: Đạt

C: Chưa đạt

KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5		CD	
2.6	Đ		
2.7	Đ		
2.8	Đ		
2.9	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
4.8	Đ		
4.9	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
5.1	Đ		
5.2	Đ		

5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
Tiêu chuẩn 6: Người học			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4			KĐG
7.5		CD	
Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
8.4	Đ		
8.5	Đ		
8.6	Đ		
8.7	Đ		
8.8	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội			
10.1	Đ		
10.2	Đ		

Tổng hợp:

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/Tổng số	52/55	2/55	1/55
Tỷ lệ %	94,54	3,64	1,82